



Bản tin

NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

VIETNAM CUSTOMS RESEARCH JOURNAL

TỔNG CỤC HẢI QUAN

**Số 3
2024**



30 năm
Viện Nghiên cứu Hải quan
(07/3/1994-07/3/2024)

**Hoàn thành tốt nhiệm vụ,
góp phần vào sự lớn mạnh
của ngành Hải quan**





TỔNG CỤC HẢI QUAN VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

BẢN TIN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

CHIỤ TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

ThS. NGUYỄN ANH TUẤN
Viện trưởng
Viện Nghiên cứu Hải quan

BỘ PHẬN BIÊN TẬP

Phòng Quản lý Khoa học
& Thông tin khoa học
Viện Nghiên cứu Hải quan

TÒA SOẠN:

Số 9, đường Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
TP. Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 39440833
Máy lẻ: 8703
Email: viennchq@customs.gov.vn

Số 56/GP-XBBT (Ngày 10/11/2023) - Cục Báo chí
Bộ Thông tin và Truyền thông

In và gia công tại Công ty TNHH MTV
in Tạp chí Cộng Sản

TRONG SỐ NÀY

1

Thu cảm ơn.

2

Hội đồng Khoa học Tổng cục Hải quan: Phát huy vai trò định hướng, đầu mối gắn kết trong công tác nghiên cứu khoa học.

4

30 năm Viện Nghiên cứu Hải quan (07/3/1994-07/3/2024): Hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần vào sự lớn mạnh của ngành Hải quan.

7

Viện Nghiên cứu Hải quan: Tiếp tục gắn kết chặt chẽ, lâu dài với các đơn vị để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học Hải quan.

8

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học góp phần cung cấp luận cứ khoa học sắc bén cho công tác hiện đại hóa và chuyển đổi số trong lĩnh vực Hải quan.

10

Dấu ấn công tác nghiên cứu khoa học của Viện NCHQ giai đoạn 2007-2018.

12

Hồi ức những ngày đầu tham gia viết bài đăng trên Bản tin Nghiên cứu Hải quan.

13

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

15

Một số kiến nghị khi triển khai Đề án thực hiện thí điểm mô hình cửa khẩu thông minh với Quảng Tây - Trung Quốc.

18

Quản lý Hải quan đối với nhập khẩu than đá bằng băng chuyền kín xuyên biên giới tại cửa khẩu La Lay - Quảng Trị.

22

Tiềm năng ứng dụng công nghệ kết nối internet vạn vật (IoT) trong công tác kiểm tra, giám sát Hải quan tại cửa khẩu đường biển và đường bộ.

26

Thiết bị phân tích dấu vết, xác định chính xác các chất hoá học trợ thủ đắc lực của nhân viên Hải quan trong việc phát hiện các chất ma túy.

Thư cảm ơn

Trái qua chặng đường 30 năm xây dựng và phát triển, đến nay Viện Nghiên cứu Hải quan đã từng bước trở thành một đơn vị có truyền thống, bề dày kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học, quản lý khoa học và thông tin khoa học, theo dõi, cập nhật và biên soạn các tài liệu liên quan đến quá trình xây dựng, đổi mới, phát triển của Hải quan Việt Nam. Từ khi thành lập đến nay, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy có những thay đổi và điều chỉnh nhất định, song dưới sự lãnh đạo chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Lãnh đạo Bộ Tài chính, Lãnh đạo Tổng cục Hải quan, cùng với sự nỗ lực cố gắng của các thế hệ cán bộ, viên chức và người lao động, Viện Nghiên cứu Hải quan luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập đơn vị (07/3/1994-07/3/2024), Viện Nghiên cứu Hải quan xin gửi lời tri ân sâu sắc và chân thành nhất đến tập thể các lãnh đạo, cán bộ, viên chức và người lao động đã và đang cống hiến, đóng góp vì sự phát triển của Viện NCHQ trong suốt thời gian qua. Viện Nghiên cứu Hải quan cũng xin trân trọng cảm ơn và khắc ghi các ý kiến chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ Tài chính, Lãnh đạo Tổng cục Hải quan, sự quan tâm, ủng hộ và hợp tác của các Quý đơn vị Vụ, Cục trong Ngành, sự phối hợp nhiệt tình của các cộng tác viên,... đến các hoạt động của Viện NCHQ. Đây sẽ là nguồn cổ vũ, là động lực quan trọng để Viện Nghiên cứu Hải quan tiếp tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới trên chặng đường tiếp theo; tiếp tục phát huy mạnh mẽ và tích cực vai trò của mình trong công tác nghiên cứu khoa học, đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của ngành Hải quan.

Kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các thế hệ cán bộ, viên chức và người lao động của Viện Nghiên cứu Hải quan nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC TỔNG CỤC HẢI QUAN: Phát huy vai trò định hướng, đầu mối gắn kết trong công tác nghiên cứu khoa học

 **ThS. LƯU MẠNH TƯỜNG**
Phó Tổng cục trưởng TCHQ
Chủ tịch HĐKH TCHQ

Trong thời gian qua, Hội đồng khoa học Tổng cục Hải quan (HĐKH TCHQ) đã có nhiều đóng góp thiết thực cho công tác nghiên cứu khoa học của Hải quan cả về mặt lý luận cơ bản cũng như ứng dụng thực tiễn.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và trong nước đã và đang đặt ra nhiều thách thức đòi hỏi ngành Hải quan phải tiếp tục cải cách, hiện đại hoá mạnh mẽ. Toàn cầu hoá, tự do hoá thương mại đã làm cho lưu lượng hàng hoá lưu thông giữa các nước ngày càng gia tăng, quan hệ giao lưu kinh tế giữa các nước ngày càng phát triển và trở thành xu thế tất yếu. Các nước trong khu vực và trên thế giới đã có những thay đổi lớn về chính sách thương mại theo xu hướng bảo hộ mậu dịch... Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới đã tác động trực tiếp đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan, xu hướng số hoá và dịch chuyển chuỗi cung ứng đòi

hỏi các thao tác xử lý cần được kết hợp hài hoà giữa trí tuệ con người và trí tuệ nhân tạo, đảm bảo các quy trình nghiệp vụ hải quan được tự động ở mức độ cao, cho phép các bên tham gia có thể được trao đổi, chia sẻ thông tin với tốc độ nhanh. Ở trong nước, Chính phủ và các Bộ, Ngành đang nỗ lực thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo chủ trương của Đảng và kế hoạch của Chính phủ; Ngành Hải quan triển khai Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu ngành Hải quan phải nghiên cứu xây dựng mô hình hải quan hiện đại, thông minh, ứng dụng tối đa công nghệ.

Đối với Hải quan, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) luôn được đặt ra là một trong những nhiệm vụ trọng tâm phát triển của Ngành, trong việc đề xuất các giải pháp cụ thể đối với hoạt động nghiệp vụ hải quan phù hợp với chuỗi cung ứng thương mại trong thời kỳ

mới. Cơ quan thường trực HĐKH (Viện Nghiên cứu Hải quan) tham mưu xây dựng Định hướng nghiên cứu khoa học và lấy ý kiến HĐKH để Định hướng phù hợp với xu hướng phát triển mang tính chất dài hạn của công tác quản lý hải quan. Từ năm 2020 đến nay, HĐKH TCHQ đã tổ chức họp 10 đợt xét duyệt nhiệm vụ KH&CN, kết quả giao nhiệm vụ nghiên cứu 91 trên tổng số 124 nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các đơn vị và cá nhân đề xuất. Công tác xét duyệt nhiệm vụ được thực hiện nghiêm túc, khách quan, các thành viên HĐKH làm tốt vai trò tư vấn, phản biện trong xây dựng thuyết minh trên cơ sở định hướng phát triển khoa học và công nghệ; kịp thời xác định bổ sung các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính cấp thiết phục vụ hoạt động nghiệp vụ của Ngành.

Các Hội đồng đã nghiệm thu đánh giá đề tài làm cơ sở để các đơn vị ứng dụng, nhân rộng vào thực tiễn, tạo được bước chuyển biến căn bản



trong nghiên cứu và ứng dụng, nghiên cứu trực tiếp phục vụ cho quản lý, điều hành của Hải quan. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác định có tính ứng dụng cao, giải quyết kịp thời các vấn đề bức thiết của Ngành. Với sự tham gia tích cực, có trách nhiệm cao của các thành viên HĐKH TCHQ, đã hạn chế được căn bản tình trạng tồn đọng và thanh lý đề tài.

Trước yêu cầu thách thức đặt ra của Cuộc cách mạng khoa học công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan, yêu cầu đặt ra là Hải quan Việt Nam cần xây dựng mô hình quản lý hải quan hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên nền tảng hệ thống pháp luật đồng bộ, ứng dụng tối đa công nghệ tiên tiến trên thế giới nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại hợp pháp, đảm bảo an ninh, an toàn cộng đồng và bảo vệ lợi ích của quốc gia. Vì vậy, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực như: hoàn thiện thể chế đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hải quan, tạo thuận lợi thương mại, thực hiện các cam kết quốc tế, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hải quan, hoàn thiện

tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực ngành Hải quan, nghiên cứu các vấn đề mới về hải quan hiện đại và mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh, Hải quan Xanh, quản lý biên giới thông minh,... là một trong những vấn đề then chốt hiện nay của ngành Hải quan mà công tác nghiên cứu khoa học phải đi trước một bước. Với vai trò Thường trực HĐKH TCHQ, cần siết chặt hơn nữa quy trình đánh giá và đưa kết quả nghiên cứu khoa học vào ứng dụng trong thực tiễn; lấy giá trị ứng dụng là tiêu chí, thước đo cơ bản để đánh giá chất lượng các đề tài, đề án nghiên cứu khoa học; Tiếp tục tăng cường các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, tổng kết thực tiễn phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan Hải quan. Trong đó, nhiệm vụ cụ thể đặt ra đối với HĐKH TCHQ như sau:

- HĐKH TCHQ cần tiếp tục tăng cường vai trò và trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng khoa học trong việc tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục Hải quan, Lãnh đạo Bộ Tài chính công tác nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu hoạch định chính sách của Ngành.

- Xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học sát thực

tiễn hơn và có tính cập nhật những thay đổi của bối cảnh. Định hướng theo giai đoạn nhưng có thể điều chỉnh bổ sung hàng năm khi cần thiết.

- Việc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan cần cân đối giữa các nhiệm vụ nghiên cứu dài hạn, trung hạn và ngắn hạn giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Các nhiệm vụ KH&CN cấp Tổng cục Hải quan cần bám sát Định hướng nghiên cứu khoa học của Ngành, đi trước, tạo nền tảng lý luận cho các nhiệm vụ chuyên môn, đảm bảo tính liên chính khoa học.

- Các tổ chức chuyên môn của Hội đồng cần phát huy hơn nữa vai trò tư vấn, hỗ trợ các nhóm nghiên cứu khi gặp khó khăn trong triển khai nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác nghiên cứu khoa học trong ngành Hải quan gắn với các hoạt động nghiệp vụ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn; triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động thực tiễn của đơn vị, làm cơ sở đánh giá hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học của Ngành./

30 NĂM VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN (07/3/1994-07/3/2024):

Hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần vào sự lớn mạnh của ngành Hải quan



Hội đồng khoa học Tổng cục Hải quan xét duyệt đề tài NCKH cấp Tổng cục Hải quan năm 2021 (đợt 2)

BỐI CẢNH RA ĐỜI

Viện Nghiên cứu Hải quan (ban đầu là Viện Nghiên cứu khoa học Hải quan) chính thức được thành lập theo Nghị định 16/CP ngày 07/3/1994 của Chính phủ. Trong bối cảnh những năm 1987 - 1993, ngành Hải quan tập trung tạo cơ sở cho quá trình đổi mới toàn diện ở những giai đoạn tiếp theo, trong đó đẩy mạnh việc nghiên cứu tìm hiểu các cam kết và chuẩn mực quốc tế, đòi hỏi ngành Hải quan cần có những sự thay đổi về tổ chức để đáp ứng các yêu cầu quốc tế. Vì vậy, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/CP ngày 07/3/1994 quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan, trong đó có quy định về công tác chỉ đạo thực hiện công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực hải quan. Trong cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan, Viện Nghiên cứu khoa học Hải quan (VNCKHHQ) là một trong số các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Hải quan và là đầu mối về công tác nghiên cứu khoa học, quản lý khoa học và thông tin khoa học của Tổng cục Hải quan.

Ngày 24/10/1996 Thủ tướng Chính phủ ký

Quyết định số 782/TTg về việc sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ, Viện Nghiên cứu khoa học Hải quan là một trong số 41 Viện nghiên cứu cấp Nhà nước được quy định tại Quyết định này. Đây chính là sự khẳng định của Nhà nước đối với vai trò nghiên cứu khoa học về hải quan, là cơ hội để Hải quan Việt Nam vươn lên phục vụ cho hoạt động kinh tế đối ngoại của đất nước, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển và hội nhập của quốc gia.

VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẢI QUAN (1994 - 2/2003 - GIAI ĐOẠN TCHQ TRỰC THUỘC CHÍNH PHỦ)

Trên cơ sở Nghị định số 16/CP ngày 07/3/1994, ngày 18/8/1994, Tổng cục Hải quan ký Quyết định số 192/TCHQ-QĐ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Viện NCKHHQ. Theo đó, Viện NCKHHQ có chức năng giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thống nhất quản lý công tác nghiên cứu khoa học trong ngành Hải quan, là cơ quan tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục trong những vấn đề lý luận cơ bản về nghiệp vụ Hải quan và vấn đề ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác nghiệp vụ của ngành Hải quan. Lúc này, tổ chức bộ máy của NCKHHQ gồm:

- (i) Văn phòng Viện Nghiên cứu khoa học Hải quan;
- (ii) Phòng Quản lý khoa học;
- (iii) Phòng nghiên cứu lý luận nghiệp vụ Hải quan;
- (iv) Phòng Kỹ thuật giám định I đặt tại Hà Nội;
- (v) Phòng Kỹ thuật giám định II đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau một thời gian ngắn ổn định tổ chức, biên chế, từ năm 1995 Viện đã bước đầu triển khai một số đề tài nghiên cứu khoa học, dịch các tài liệu nước ngoài để tham khảo trong việc xây dựng

chính sách, chế độ liên quan đến quản lý nhà nước về hải quan. Cũng trong năm 1995, Viện NCKHHQ đã nghiên cứu đề xuất thành lập 02 phòng kỹ thuật kiểm định hàng hoá xuất nhập khẩu phục vụ cho công tác nghiệp vụ hải quan.

Trong thời gian này, Viện NCKHHQ tích cực tham gia xây dựng Luật Hải quan để thay thế Pháp lệnh Hải quan 1990. Luật Hải quan được thông qua vào tháng 6/2001 đã tạo cơ sở pháp lý cho bước phát triển tiếp theo của ngành Hải quan nói chung và Viện NCKHHQ nói riêng. Ngày 25/10/2001 Tổng cục trưởng TCHQ đã ban hành Quyết định số 1075/TCHQ-TCCB thay thế Quyết định số 192/TCHQ-TCCB ngày 18/8/1994 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Viện NCKHHQ. Theo đó, đổi tên Viện NCKHHQ thành Viện Nghiên cứu Hải quan (Viện NCHQ) kèm theo Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Viện NCHQ trực thuộc TCHQ.

Theo quy định tại Điều lệ, Viện NCHQ là đơn vị sự nghiệp trực thuộc TCHQ, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước. Viện NCHQ có chức năng nghiên cứu chiến lược phát triển Ngành và các vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động quản lý hải quan; các kỹ thuật nghiệp vụ hải quan; biên soạn lịch sử hải quan; thống nhất quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ trong ngành Hải quan; thực hiện phân tích, phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu phục vụ công tác kiểm tra hải quan. Về tổ chức bộ máy, Viện NCHQ có Viện trưởng và một số Phó Viện trưởng và làm việc theo chế độ thủ trưởng. Các đơn vị thuộc Viện gồm:

(1) Phòng Nghiên cứu xây dựng lực lượng và Chiến lược phát triển;

(2) Phòng Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật nghiệp vụ và hội nhập;

CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA VIỆN NCHQ THỜI GIAN QUA:

Năm 2012: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Năm 2014: Huân chương Lao động hạng Ba

Năm 2016: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho giai đoạn 2014-2015

Năm 2018: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho giai đoạn 2016-2017

Năm 2020: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho giai đoạn 2018-2019.

(3) Phòng Quản lý khoa học;

(4) Phòng Thông tin khoa học (thông tin khoa học, Tạp chí Hải quan, Thư viện hải quan);

(5) Trung tâm phân tích, phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Trung tâm có các phòng phân tích, phân loại ở các khu vực);

(6) Văn phòng Viện.

Thực hiện chủ trương cải cách hành chính và giảm bớt đầu mối các cơ quan thuộc Chính phủ để nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, ngày 04/9/2002, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 113/2002/QĐ-TTg chuyển Tổng cục Hải quan vào Bộ Tài chính.

Ngày 19/11/2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2002/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan. Thời điểm này, bộ phận phân tích phân loại được tách khỏi Viện Nghiên cứu Hải quan thành các đơn vị sự nghiệp độc lập trực thuộc Tổng cục Hải quan. Ngày 17/3/2003, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 31/2003/QĐ-TC ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện NCHQ trực thuộc Tổng cục Hải quan đồng thời bãi bỏ Quyết định số 1075/QĐ-TCCB ngày 25/10/2001.

VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN GIAI ĐOẠN TỪ THÁNG 3/2003 – NAY

Theo tinh thần của Nghị định số 96/2002/NĐ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ, Tổng cục Hải quan là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về hải quan; thực hiện pháp luật hải quan trong phạm vi cả nước. Liên



Một buổi nghiệm thu đề tài NCKH

quan đến công tác nghiên cứu khoa học và thông tin khoa học, Nghị định cũng nhấn mạnh Tổng cục Hải quan có nhiệm vụ: Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong ngành Hải quan; Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về pháp luật hải quan.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, bộ máy của TCHQ, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 31/2003/QĐ-TC ngày 17/3/2003 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện NCHQ trực thuộc Tổng cục Hải quan. Theo đó, Viện NCHQ là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Tổng cục Hải quan, có chức năng nghiên cứu khoa học về hải quan, khoa học về xây dựng và phát triển lực lượng hải quan; Nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ quản lý hải quan hiện đại; quản lý công tác nghiên cứu khoa học trong ngành Hải quan; tổ chức các hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác nghiên cứu và hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Cơ cấu tổ chức

Viện NCHQ có Viện trưởng và một số Phó Viện trưởng. Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về toàn bộ hoạt động của Viện. Về bộ máy Viện có 03 phòng:

- (1) Phòng Nghiên cứu khoa học;
- (2) Phòng Quản lý khoa học và Thông tin khoa học;
- (3) Phòng Hành chính – Tài vụ.

Có thể thấy sau khi Tổng cục Hải quan sáp nhập về Bộ Tài chính, chức năng, nhiệm vụ của Viện NCHQ đã bị hạn chế, cơ cấu tổ chức bị thu hẹp.

Ngày 15/01/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy của TCHQ. Trong đó Viện NCHQ là đơn vị sự nghiệp trực thuộc TCHQ. Sau đó, Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng ban hành Quyết định số 1021/2010/QĐ – BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện NCHQ trực thuộc TCHQ, tại Quyết định này, Viện NCHQ được bổ sung thêm nhiệm vụ: Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính kế hoạch nghiên cứu khoa học dài hạn của ngành hải quan, kế hoạch thực hiện các đề tài khoa học cấp nhà nước và cấp Bộ hàng năm, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chương trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thuộc cấp Tổng cục; Kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của Tổng cục Hải quan.



Tổng kết HĐKH nhiệm kỳ VII, phương hướng nhiệm kỳ VIII

Nhằm tăng cường cải cách hiện đại hóa Hải quan, ngày 17/12/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TCHQ trực thuộc Bộ Tài chính. Viện NCHQ được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc TCHQ, có nhiệm vụ tổ chức công tác nghiên cứu khoa học về hải quan, khoa học về xây dựng và phát triển lực lượng hải quan, nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ quản lý hải quan hiện đại; quản lý công tác nghiên cứu khoa học; tổ chức các hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác nghiên cứu và hoạt động nghiệp vụ hải quan thuộc phạm vi quản lý của TCHQ.

Ngày 16/5/2016, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1054/2016/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện NCHQ trực thuộc TCHQ. Theo đó, cơ bản các nhiệm vụ của Viện NCHQ được mở rộng so với quy định tại Quyết định số 1021/2010/QĐ-BTC. Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Viện NCHQ được giao thêm nhiệm vụ phối hợp tham gia và phản biện các chính sách, quy định, quy trình thủ tục hải quan; Về nhiệm vụ quản lý khoa học, Viện NCHQ có trách nhiệm xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ và dự toán kinh phí khoa học công nghệ hàng năm của TCHQ và tham mưu cho lãnh đạo Tổng cục Hải quan tổ chức tuyển chọn, xét duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm của TCHQ.

Đến nay hoạt động của Viện NCHQ đã đi vào ổn định. Công tác nghiên cứu khoa học gắn với hoạt động thực tiễn, nhằm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Hải quan đặt ra trong từng năm, từng giai đoạn. Những năm gần đây, công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ được gắn

VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

Tiếp tục gắn kết chặt chẽ, lâu dài với các đơn vị để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học Hải quan

✎ **ThS. NGUYỄN ANH TUẤN**
Viện trưởng Viện NCHQ



Những kết quả đã đạt được trong thời gian qua bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó sự lãnh đạo của Đảng ủy và Lãnh đạo Tổng cục qua các thời kỳ là quan trọng, mang tính quyết định; cùng với đó là sự nỗ lực, cố gắng của các thế hệ cán bộ Viện Nghiên cứu Hải quan (NCHQ) và sự phối hợp, giúp đỡ có hiệu quả của các đơn vị trong và ngoài Ngành. Có thể khẳng định rằng, những thành tựu Viện NCHQ đã đạt được là có ý nghĩa và là niềm tự hào của các thế hệ cán bộ Viện NCHQ trong suốt 30 năm qua (1994-2024).

Trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số toàn diện hơn trong tất cả các khâu nghiệp vụ như hiện nay, đứng trước những cơ hội mới và yêu cầu của nhiệm

vụ mới, toàn thể cán bộ Viện NCHQ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, quyết tâm phấn đấu vươn lên, tích cực xây dựng đội ngũ, nâng cao trình độ, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chính trị và chuyên môn được giao, góp phần ngày càng nâng cao hơn nữa vị thế của Viện NCHQ.

Viện Nghiên cứu Hải quan là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục Hải quan có nhiệm vụ tổ chức công tác nghiên cứu khoa học về hải quan, khoa học về xây dựng và phát triển lực lượng hải quan, nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ quản lý hải quan hiện đại. Chính vì vậy, thời gian tới, Viện NCHQ sẽ rà soát, đánh giá về tổ chức bộ máy, nhân sự, hiệu

quả hoạt động của lực lượng làm công tác nghiên cứu khoa học trong Ngành. Quan tâm xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác biên soạn lịch sử Hải quan theo hướng ổn định lâu dài, bố trí đủ cán bộ chuyên trách có chuyên môn, kinh nghiệm làm việc phục vụ công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử của Ngành, phối hợp và hỗ trợ các đơn vị địa phương xây dựng biên niên sự kiện, biên soạn lịch sử. Đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm công tác dự báo và xây dựng chính sách, chiến lược nhằm phát huy tối đa chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao. Tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, có cơ chế chính sách động viên rõ ràng, minh bạch đối với số cán bộ làm công tác này do đặc điểm của công việc thường khó trong xây dựng và triển khai, luôn phải đưa ra các vấn đề mang tính chất dự báo, định hướng nhưng phải bám sát với thực tiễn và hoàn toàn có thể xảy ra trong tương lai.

Tới đây, Viện NCHQ sẽ hướng tới việc đẩy mạnh sự phối hợp, liên kết với các

Trường, các Viện nghiên cứu trong và ngoài Ngành, tạo sự gắn kết chặt chẽ, lâu dài giữa các đơn vị, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực cán bộ giảng dạy và nghiên cứu; phát huy sức mạnh tổng hợp các nguồn lực sẵn có của các Trường và Viện để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Viện NCHQ với tư cách là Cơ quan Thường trực Hội đồng Khoa học Tổng cục Hải quan phối hợp với Hội đồng Khoa học Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục Hải quan xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học; thực hiện công tác quản lý khoa học của Ngành, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai và ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân. Đặc biệt, Viện Nghiên cứu Hải quan sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ gắn chặt vào hoạt động thực tiễn, phối hợp với Hải quan địa phương tổ chức các hội thảo khoa học để tìm ra những luận cứ khoa học, giải pháp căn cơ để giải quyết tốt các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Hải quan đã đặt ra. Công tác khoa học và công nghệ bắt kịp với sự thay đổi về phương thức, loại hình kinh doanh xuất nhập khẩu trong thời gian tới, tăng cường tập trung vào các lĩnh vực như: hoàn thiện thể chế đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hải quan, tạo thuận lợi thương mại, thực hiện các cam kết quốc tế, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hải quan, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực. Trong đó, nghiên cứu các vấn đề mới về hải quan hiện đại với mô hình Hải quan số, hướng tới mô hình Hải quan thông minh, Hải quan xanh, quản lý biên giới thông minh hay tập trung nghiên cứu nhận diện một số thủ đoạn buôn lậu, trốn thuế trong những hình thái thương mại mới./.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học góp phần cung cấp luận cứ khoa học sắc bén cho công tác hiện đại hóa và chuyển đổi số trong lĩnh vực Hải quan

 **CAO HUY TÀI**

Cục CNTT và Thống kê Hải quan

Lênin khẳng định “không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”. Theo đó, lý luận và luận cứ khoa học có vai trò vô cùng quan trọng đối với phong trào cách mạng và hoạt động thực tiễn.

Trong những năm qua, ngành Hải quan đẩy mạnh công tác cải cách, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin và đặc biệt là công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực hải quan. Đây là một cuộc cách mạng quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về hải quan, làm thay đổi cơ bản phương thức làm việc của cán bộ, công chức hải quan, thay đổi diện mạo của cơ quan Hải quan, đưa Hải quan Việt Nam trở thành cơ quan Hải quan hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả.

Những kết quả cải cách hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thời gian qua là động lực để xây

dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu cải cách hiện đại hóa hải quan và tạo thuận lợi thương mại, hướng tới xây dựng Hải quan số. Đến nay, Tổng cục Hải quan đã hoàn thành mục tiêu 5E (E-Declaration; E-payment; E-C/O; E-Permit và E-Manifest) về ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước về hải quan, xây dựng được một hệ thống CNTT tập trung cấp Tổng cục phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan, hoạt động ổn định, thống suốt, bao phủ và hỗ trợ hầu hết các lĩnh vực trọng yếu về quản lý hải quan.

Với những kết quả đạt được, năm 2019, Tổng cục Hải quan đã được Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao Giải thưởng Cơ quan Nhà nước chuyển đổi số xuất sắc năm 2019. Đến nay, cơ quan Hải quan đã hoàn thành hải quan điện



Hội nghị hướng dẫn triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan năm 2023-đợt 2

tử và đang bắt tay vào việc xây dựng hải quan số, hải quan thông minh.

Những kết quả to lớn đạt được trong công tác cải cách, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ hiện đại và chuyển đổi số trong thời gian vừa qua có sự đóng góp quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học ngành Hải quan, đặc biệt là cung cấp luận cứ khoa học vững chắc cho việc triển khai những nội dung mới, những vấn đề mới đặt ra trong thời gian vừa qua từ việc xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật cho đến hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, đầu tư máy móc trang thiết bị hiện đại, phát triển quan hệ đối tác hải quan – doanh nghiệp...

Trong thời gian tới, ngành Hải quan tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, trong đó trọng tâm là xây dựng Hải quan số, Hải quan thông minh thông qua việc triển khai rất nhiều nhiệm vụ như xây dựng mô hình tổng thể hải quan số, hải quan thông minh, tái thiết kế tổng thể quy

trình nghiệp vụ, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thực hiện hải quan số, ứng dụng các công nghệ của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; đầu tư máy móc trang thiết bị điện tử thông minh, hoàn thiện các văn bản pháp lý,... Đây là những vấn đề mới, khó, phức tạp, chưa từng có tiền lệ. Do đó, rất cần có những nghiên cứu khoa học đầy đủ, toàn diện, kịp thời để cung cấp những luận cứ khoa học vững chắc nhằm giải đáp, đề xuất những giải pháp mang tính khoa học, hiệu quả, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng hải quan số, hải quan thông minh trong thời gian tới.

Trong những năm gần đây, công tác nghiên cứu khoa học của ngành Hải quan đã được Lãnh đạo Tổng cục rất quan tâm, đồng thời có sự nỗ lực, cố gắng của Viện Nghiên cứu Hải quan. Nhờ đó, công tác quản lý khoa học của Tổng cục Hải quan ngày càng được quản lý chặt chẽ, hiệu quả, minh bạch, trách nhiệm, đóng góp thiết thực vào việc cung cấp luận cứ khoa học cho công tác cải cách, hiện đại hóa của ngành Hải quan, cụ thể:

- Trong nghiên cứu khoa học: Đội ngũ nhà nghiên cứu có vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả và chất lượng của công trình nghiên cứu khoa học. Để kiểm soát chất lượng cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học, trong thời gian vừa qua, Viện Nghiên cứu Hải quan đã đề xuất Tổng cục yêu cầu không chỉ chủ nhiệm đề tài mà các thành viên tham gia nghiên cứu cũng cần hoàn thành lý lịch khoa học.

- Trong khâu thực hiện nghiệm thu cấp cơ sở: Viện Nghiên cứu Hải quan đã tham mưu Lãnh đạo Tổng cục lựa chọn chủ tịch hội đồng nghiệm thu đảm bảo tính khách quan, nâng cao chất lượng của đề tài nghiên cứu khoa học.

- Bên cạnh đó, Viện Nghiên cứu Hải quan cũng thực hiện tốt vai trò tham mưu, đầu mối, kiểm soát việc hoàn thiện các nội dung kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và Hội đồng nghiệm thu cấp Ngành góp phần nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu khoa học.

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư phát triển như vũ bão, với yêu cầu cải cách hiện đại hóa, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng mạnh mẽ, nhiều vấn đề mới trong công tác quản lý nhà nước hải quan cần được giải đáp ở góc độ lý luận, cung cấp luận cứ khoa học. Theo đó, công tác nghiên cứu khoa học cần tiếp tục được đẩy mạnh, trở thành ngọn đuốc dẫn đường cho cải cách hiện đại hóa, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian tới./.



Dấu ấn công tác nghiên cứu khoa học của Viện NCHQ giai đoạn 2007-2018

ThS. NGUYỄN HỮU TRÍ

Nguyên Trưởng phòng NCKH-Viện NCHQ

C hính phủ đã quyết định thành lập Viện Nghiên cứu khoa học Hải quan (Viện NCKHHQ) tại Nghị định số 16/CP ngày 07/3/1994. Trong thời gian này, Viện NCKHHQ tích cực tham gia xây dựng Luật Hải quan để thay thế Pháp lệnh Hải quan 1990. Luật Hải quan, được thông qua vào tháng 6/2001 và có hiệu lực từ 01/01/2002 đã tạo cơ sở pháp lý cho những bước phát triển tiếp theo của ngành Hải quan nói chung và Viện NCKHHQ nói riêng. Tháng 3 năm 2003, sau khi chuyển về Bộ Tài chính, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, bộ máy của Tổng cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 31/2003/QĐ-BTC ngày 17/3/2003 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu Hải quan (Viện NCHQ) trực thuộc Tổng cục Hải quan. Viện NCHQ là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Tổng cục Hải quan, có chức năng nghiên cứu khoa học về hải quan, khoa học về xây dựng và phát triển lực lượng hải quan; nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ quản lý hải quan hiện đại; quản lý công tác nghiên cứu khoa học trong ngành Hải quan; tổ chức các hoạt động thông tin khoa học phục vụ công

tác nghiên cứu và hoạt động nghiệp vụ hải quan.

VỀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Từ ngày thành lập đến nay, hàng năm, Viện NCHQ đều chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Tất cả các đề tài do Viện chủ trì cơ bản đều nghiêm túc đúng và trước thời hạn và đạt kết quả tốt, trong số đó có nhiều đề tài đạt giải và xuất sắc.

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu khoa học trước 2007 chỉ thực hiện theo kế hoạch đặt ra được lãnh đạo Tổng cục Hải quan phê duyệt. Từ 2007, lãnh đạo Viện và cán bộ Viện cũng như cách tiếp cận công tác nghiên cứu khoa học có sự đổi mới, hoạt động nghiên cứu phải giải quyết các khó khăn vướng mắc trong thực tiễn hoạt động của Hải quan. Vì vậy 2 vấn đề được lãnh đạo Viện cũng như các cán bộ nghiên cứu khoa học chú trọng đó là:

Một là, nghiên cứu khoa học xuất phát từ thực tiễn vướng mắc trong hoạt động nghiệp vụ, nên Viện đã chủ động thực hiện khảo sát thực tế các vướng mắc tại các Cục Hải quan địa phương trên cả lĩnh vực pháp lý và thực tế hoạt động nghiệp vụ cũng như thực hiện trao đổi kinh nghiệm quốc tế. Về hoạt

động này, hầu hết các năm Viện đều tổ chức những đoàn khảo sát thực tế tại địa phương và các đoàn tham quan khảo sát hoạt động hải quan của các nước tiên tiến trên thế giới. Trên cơ sở đó, hầu hết các đề tài nghiên cứu do cán bộ Viện chủ trì đều nhằm giải quyết các vấn đề vướng mắc trong thực tiễn và tuân thủ các quy định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, chẳng hạn như đề tài “Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu hàng hóa” của đ/c Nguyễn Anh Tuấn đã chỉ rõ cách nhận biết nhãn hiệu của một số mặt hàng nổi tiếng như Philip, Lacose, Adidas. Các đề tài “Hoàn thiện các biện pháp kiểm tra xuất xứ của Hải quan Việt Nam”, “Nâng cao hiệu quả quản lý trước thông quan của Hải quan Việt Nam đối với hàng nhập khẩu”, “Tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đến công tác quản lý thu Ngân sách của Hải quan Việt Nam giai đoạn 2016-2020”, “Giải pháp nhằm nâng cao công tác nghiên cứu dự báo tại Viện NCHQ”... cũng được đề xuất thực hiện trên cơ sở khảo sát vướng mắc từ các địa phương. Đặc biệt, thông qua kết quả nghiên cứu khoa học của Viện, Viện đã đề xuất với Tổng cục trưởng Nguyễn Ngọc Túc (thời điểm đang xây dựng

luật Hải quan năm 2014) đưa kết quả xác định trước về mã số hàng hóa, trị giá hải quan và xuất xứ hàng hóa của hải quan có giá trị pháp lý làm thủ tục hải quan được quy định tại Điều 28 của Luật Hải quan số 54/2014/QH13. Mặt khác, khi thực hiện đề tài, các chủ nhiệm đề tài thường tổ chức điều tra vô danh tính trong cán bộ Hải quan và các doanh nghiệp những vấn đề liên quan đến nội dung của đề tài.

Hai là, tham gia đào tạo bằng cách tích cực tham gia viết bài liên quan đến hoạt động nghiệp vụ hải quan trên Tạp chí Tài chính, Bản tin Nghiên cứu Hải quan, và trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học, thực hiện biên soạn các chuyên đề cập nhật kiến thức tài chính -

hải quan cùng với Trường bồi dưỡng cán bộ tài chính. Số lượng chuyên đề được biên soạn để phổ biến cập nhật kiến thức kinh tế tài chính - hải quan cho cán bộ trong Ngành giai đoạn 2008 đến 2018 là 18 chuyên đề như: "Đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao chất lượng quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, năm 2010-2011"; "Một số biện pháp tăng cường thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới của Hải quan Việt Nam, năm 2011-2012"; "Giám sát hải quan trong thời kỳ hội nhập, năm 2012 - 2013"... Các chuyên đề này đã có nhiều Cục Hải quan địa phương đăng ký tham gia cập nhật như các Cục: Hải quan Lào Cai, Hải quan Thanh Hóa, Hải quan Đà Nẵng, Hải quan Bình Định, Hải quan Đồng Nai, Hải quan Cần Thơ,

Hải quan Tây Ninh... Đây chính là hình thức triển khai kết quả nghiên cứu vào thực tế thông qua công tác đào tạo của Viện NCHQ. Ngoài ra, cán bộ nghiên cứu của Viện phối hợp với Khoa Thuế Hải quan của Trường đại học Tài chính và Khoa thương mại quốc tế của Trường đại học Kinh tế quốc dân trong đào tạo các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ hải quan.

Có thể nói, công tác nghiên cứu khoa học của Viện NCHQ giai đoạn 2007 đến 2018 đã chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và tạo cơ sở cho sự phát triển công tác nghiên cứu và triển khai kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn hoạt động hải quan giai đoạn từ 2018 đến nay có nhiều kết quả đáng khích lệ. /.

VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN - 30 năm hình thành và phát triển

 [Tiếp theo trang 6](#)

liên với bối cảnh chuyển đổi số, xây dựng hải quan số, hướng tới mô hình hải quan thông minh.

Trước xu thế trên, công tác nghiên cứu khoa học về hải quan đã được liên tục phát triển, đến nay đã có được hệ thống lý thuyết tổng hợp, hiện đại, và có nhiều kết quả mang tính ứng dụng cao. Đặc biệt, ứng dụng một cách có hiệu quả vào công tác tham mưu chính sách, chỉ đạo điều hành của TCHQ, góp phần bảo đảm quản lý nhà nước về hải quan hiệu lực.

LỜI KẾT

Nhìn lại 30 năm xây dựng và phát triển, tuy có những thăng trầm nhưng đến nay, Viện NCHQ vẫn được khẳng định vị thế của mình với vai trò là đơn vị tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học về hải quan.

Qua mỗi giai đoạn, tổ chức bộ máy của Viện NCHQ thường xuyên được củng cố, kiện toàn, phù

hợp với chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Đội ngũ cán bộ, viên chức ngày càng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng để đảm đương khối lượng công việc tăng lên không ngừng. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc ngày càng được cải thiện đáp ứng yêu cầu môi trường làm việc văn minh, hiện đại. Những kết quả đạt được của Viện NCHQ là minh chứng cho sự phát triển của đơn vị có truyền thống, bề dày kinh nghiệm và có khả năng thích ứng để thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, quản lý khoa học và thông tin khoa học, theo dõi, cập nhật và biên soạn các tài liệu liên quan đến quá trình xây dựng, đổi mới, phát triển của Hải quan Việt Nam.

Với sự phấn đấu nỗ lực của nhiều thế hệ cán bộ, viên chức, người lao động, Viện NCHQ đã có sự phát triển về mọi mặt, góp phần vào sự lớn mạnh của ngành Hải quan. /.



những ngày đầu tham gia viết bài đăng trên Bản tin Nghiên cứu Hải quan

 **ThS. PHẠM VĂN BẰNG**

Phòng tham mưu - Tổng hợp Cục Điều tra chống buôn lậu

Tôi là một công chức được tuyển dụng vào ngành Hải quan năm 2013, trước đây tôi đã từng làm công tác nghiên cứu xây dựng pháp luật tại Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, khi nhận nhiệm vụ với những kiến thức quy định pháp luật, quy trình nghiệp vụ hải quan rất mới mẻ với tôi. Trong những ngày đầu đó, tôi được lãnh đạo đơn vị giao đọc, nghiên cứu các văn bản pháp luật, tài liệu nghiệp vụ của ngành Hải quan, trong đó đọc tham khảo các bài viết trên Bản tin Nghiên cứu Hải quan. Những lúc này, tôi nhận thấy nếu như đọc các văn bản để hiểu các quy định pháp luật, quy trình nghiệp vụ về hải quan rất khó hiểu nhưng khi đọc các bài viết, bài trao đổi do các nhà nghiên cứu, tác giả trình bày trên Bản tin Nghiên cứu Hải quan sẽ dễ hiểu, dễ tiếp cận. Mặc dù, Bản tin Nghiên cứu Hải quan chưa được công nhận là tạp chí chuyên ngành, nhưng những bài viết, bài trao đổi nghiệp vụ mà các nhà nghiên cứu trao đổi trên đó cũng rất sâu sắc, toàn diện, có chuyên môn và chất lượng rất cao.

Với niềm đam mê nghiên cứu khoa học, đặc biệt là trong hoạt động nghiên cứu xây dựng pháp luật, từ thực tiễn thực hiện các quy định pháp luật Bộ luật Hình sự lúc đó là Bộ luật Hình sự năm 1999 và vị trí công việc tôi đang công tác liên hoạt động chống buôn lậu. Tôi đã nhận thấy các vụ việc vi phạm do cơ quan Hải quan bắt giữ rất nhiều, trong đó có vụ thì cơ quan Hải quan xử lý vi phạm hành chính, có vụ thì cơ quan khởi tố vụ án hình sự. Do đó, tôi cũng bắt tay nghiên cứu, viết bài để gửi Bản tin Nghiên cứu Hải quan với chủ đề *"Ranh giới xử lý vi phạm hành chính và xử lý hình sự đối với tội buôn lậu trong lĩnh vực hải quan"*. Sau khi hoàn thành bài viết, tôi đã lấy thông tin địa chỉ email trên bìa Bản tin Nghiên cứu Hải quan viennchq@customs.gov.vn để gửi Ban Biên tập. Tôi rất hồi hộp, hi vọng bài viết của tôi được đăng tải trên bản tin này và rất nhanh tôi nhận được sự phản

hồi, liên hệ từ phía Viện Nghiên cứu Hải quan để trao đổi một số nội dung hoàn thiện để bài viết có thể được đăng. Cuối cùng bài viết của tôi đã được đăng vào số 3 năm 2014. Đây có thể nói là một niềm vinh dự, tự hào rất lớn đối với tôi, nó càng cổ vũ thôi thúc tôi tham gia viết các bài nghiên cứu trao đổi trên Bản tin Nghiên cứu Hải quan. Và cũng rất bất ngờ, tôi được Ban biên tập thông báo trả nhuận bút cho bài viết, tôi nhớ thời điểm đó là "450.000 đồng". Số tiền này tuy không lớn nhưng nó như một sự ghi nhận về những nỗ lực cố gắng của tôi khi nghiên cứu tìm hiểu về "Hải quan".

Sau bài viết đó, tôi luôn luôn ý thức trong việc tìm tòi, nghiên cứu để xây dựng các bài viết về hải quan, đặc biệt trong lĩnh vực chống buôn lậu, lĩnh vực xử lý vi phạm, xây dựng pháp luật. Nó như ăn sâu vào công việc của tôi như một phần không thể thiếu trong quá trình công tác. Một vấn đề trong quá trình thực thi công vụ phát hiện những vướng mắc, bất cập từ quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động nghiệp vụ, tôi thường tập trung nghiên cứu, tìm tòi kỹ hơn và đưa ra các trao đổi, thảo luận trong bài viết nghiên cứu để gửi Bản tin với mong muốn nhận được những trao đổi, thảo luận về cách hiểu, cách áp dụng các quy định pháp luật còn đang có sự chồng chéo, chưa rõ ràng này. Do vậy mà hàng năm tôi đều có từ 3-5 bài viết gửi Bản tin Nghiên cứu Hải quan để trao đổi, thảo luận với bạn đọc trong và ngoài Ngành.

Quá trình tôi tìm đến và tham gia Bản tin Nghiên cứu Hải quan là như vậy, hi vọng Bản tin Nghiên cứu Hải quan trong thời gian tới tiếp tục đồng hành cùng những người có niềm đam mê nghiên cứu, trao đổi các nội dung về công tác xây dựng, thực thi pháp luật của ngành từ đó góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về hải quan. /.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh

PV

Một trong những mục tiêu được đặt ra tại “Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030” là xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm Hải quan các nước phát triển trên thế giới, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan, quản lý hải quan. Để hoàn thành các mục tiêu này, ngành Hải quan luôn nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT HẢI QUAN PHỤC VỤ YÊU CẦU TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HẢI QUAN SỐ, HẢI QUAN THÔNG MINH.

Luật Hải quan năm 2014 đã đặt nền tảng cho việc đổi mới toàn diện hoạt động hải quan, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phương thức hoạt động hải quan hiện đại. Luật cũng lần đầu tạo cơ sở pháp lý ổn định thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, quy định trách nhiệm các bộ, ngành trong việc gửi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu dưới dạng điện tử thông qua hệ thống thông tin tích hợp.

Trên cơ sở Luật Hải quan, Tổng cục Hải quan đã xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Hải quan, với các cấp độ pháp lý khác nhau, gồm: Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư, Thông tư liên tịch. Các văn bản quy phạm pháp luật này đã đặt cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

Năm 2022, Tổng cục Hải quan đã chủ trì xây dựng, trình Bộ để trình Chính phủ ban hành Quyết

định số 628/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của hải quan số, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã ban hành Quyết định số 707/QĐ-TCHQ ngày 04/5/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Hải quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, mục tiêu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành hải quan số; hoàn thành tái thiết kế tổng thể hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nghiệp vụ hải quan hướng tới hải quan số và đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống. Đến năm 2030 sẽ hoàn thành hải quan thông minh.

KẾT QUẢ XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Từ năm 2020 đến nay, Tổng cục Hải quan đã chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành 28 văn bản quy phạm pháp luật, gồm: 01 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; 06 Nghị định của Chính phủ; 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 18 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các văn bản quy phạm pháp luật này đã góp phần hoàn thiện thể chế, chính sách, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, bước đầu đặt nền tảng pháp lý cho việc thực hiện mô hình hải quan số, hải quan thông minh.

Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan để hoàn thiện các dự thảo văn bản và trình Chính phủ ban hành: Nghị định quy định về cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu; Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử; Nghị định sửa đổi Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết

và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Như vậy, ngành Hải quan đã nỗ lực xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đặt nền tảng pháp luật để xây dựng mô hình Hải quan hiện đại, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng, triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRONG THỜI GIAN TỐI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HẢI QUAN SỐ, HẢI QUAN THÔNG MINH

Một trong những mục tiêu về xây dựng thể chế được đặt ra tại Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 20230 là: xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về hải quan hiện đại, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, phù hợp với với các cam kết quốc tế; trọng tâm là xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Hải quan; xây dựng mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

Từ nay đến năm 2030, hệ thống pháp luật hải quan cần hướng tới mục tiêu cơ bản là xây dựng Luật Hải quan mới thay thế Luật Hải quan năm 2014. Đồng thời, xây dựng các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Hải quan mới với các yêu cầu nội dung cụ thể như: Xây dựng pháp luật Hải quan hiện đại, có cơ chế, chính sách đầy đủ, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hòa đáp ứng các chuẩn mực quốc tế trên nền tảng ứng dụng Cách mạng công nghiệp 4.0, xử lý dữ liệu tập trung áp dụng rộng rãi phương thức quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Trong thời gian tới, ngành Hải quan cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở rà soát, sửa đổi, bổ sung toàn diện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, quy chế thủ tục hải quan đáp ứng yêu cầu mô hình hải quan thông minh, số hóa các nghiệp vụ hải quan.

Trước mắt, trong năm 2024, ngành Hải quan cần tập trung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng: đổi mới phương thức quản lý, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thiết kế quy trình nghiệp vụ thống nhất theo mô hình hải quan số, hải quan thông minh; áp dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn,... đảm bảo tính khả thi, quản lý thực chất, hiệu lực, hiệu quả; là cơ sở pháp lý

quan trọng để triển khai hải quan số, hải quan thông minh. Cụ thể:

- Tập trung nguồn lực để chỉnh lý, hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành các Nghị định: Nghị định quy định về cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu; Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử; Nghị định sửa đổi Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

- Xây dựng và trình Bộ ban hành các Thông tư: Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 69/2016/TT-BTC ngày 06/5/2016 quy định thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 sửa Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 và Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14/4/2015 quy định về khai hải quan điện tử đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính/chuyển phát nhanh; Thông tư hướng dẫn Dự thảo Nghị định quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử; Thông tư sửa đổi Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư Quy định thí điểm về quản lý, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, quá cảnh, trung

Một số kiến nghị khi triển khai Đề án thực hiện thí điểm mô hình cửa khẩu thông minh với Quảng Tây - Trung Quốc

THÀNH ĐOÀN

Cửa khẩu thông minh dựa trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào quá trình giao, nhận hàng hóa xuất nhập khẩu để nâng cao năng lực, hiệu suất thông quan, đáp ứng yêu cầu thực tiễn tại khu vực biên giới Việt - Trung.

Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Trung Quốc tháng 6/2023, lãnh đạo UBND tỉnh Lạng Sơn (Việt Nam) và đại diện chính quyền Khu Tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) đã ký kết Thỏa thuận khung về thúc đẩy xây dựng thí điểm cửa khẩu thông minh. Hai nước Việt Nam - Trung Quốc cùng phối hợp xây dựng tuyến đường chuyên dụng xuất nhập khẩu hàng hóa độc lập, khép kín tách biệt với đường vận chuyển hàng hoá hiện nay đang sử dụng. Đảm bảo vừa duy trì hình thức giao nhận hàng hóa truyền thống kết hợp với hình thức giao nhận hàng hoá qua cửa khẩu thông minh, góp phần nâng cao năng lực và hiệu suất thông quan, giải quyết hiệu quả vấn đề ùn ứ tại khu vực cửa khẩu.

Mô hình cửa khẩu thông minh phải đồng bộ về cơ sở hạ tầng, cơ sở dữ liệu thông tin với hai bên cửa khẩu, thực hiện vận chuyển hàng hóa không tiếp xúc, không gián đoạn, áp dụng

phương thức vận chuyển không người lái di chuyển theo tuyến đường cố định và các thiết bị cầu container tự động hoá, dựa trên cơ sở định vị vệ tinh và công nghệ 5G, được điều tiết qua trung tâm chỉ huy và thực hiện trao đổi thông tin qua lại về vận chuyển hàng hoá xuyên biên giới. Thực hiện thông quan 24/7 không gián đoạn.

Theo báo cáo của UBND tỉnh Lạng Sơn, quá trình thực hiện đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh được chia thành 2 giai đoạn từ năm 2023 đến 2029. Thời gian thực hiện thí điểm là 3 năm, kể từ khi xây dựng xong hạ tầng cửa khẩu thông minh. Tổng kinh phí thực hiện đề án là 7.966 tỷ đồng.

Theo Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn, việc triển khai Đề án thí điểm xây dựng mô hình cửa khẩu thông minh là nhiệm vụ trọng tâm đồng thời cũng là thời cơ để tranh thủ sự ủng hộ, nguồn lực của chính quyền địa phương vào công tác triển khai các nội dung cải cách hiện đại hóa, chuyển đổi số trong lĩnh vực hải quan, đặc biệt là việc

thực hiện Quyết định 2810/QĐ-TCHQ ngày 08/12/2022 của Tổng cục Hải quan về việc phê duyệt “Kế hoạch Cải cách, phát triển và hiện đại hoá Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025”.

Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị (huyện Cao Lộc) được chọn làm thí điểm, trở thành “cửa khẩu kiểu mẫu”, phấn đấu xây dựng Lạng Sơn sớm trở thành một trong những trung tâm, đầu mối hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ, du lịch và kinh tế cửa khẩu trọng điểm của vùng Đông Bắc. Hải quan Lạng Sơn đã cùng với Hải quan Nam Ninh - Trung Quốc khảo sát thực tế, nghiên cứu, trao đổi thông tin, tham mưu cho cấp có thẩm quyền thực hiện Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh tại cặp cửa khẩu Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan và cửa khẩu Tân Thanh - Pò Chài.

Ông Hồ Tiến Thiệu, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn thông tin, với mô hình cửa khẩu thông minh, Lạng Sơn phấn đấu đến năm 2030 nâng cao năng lực thông quan tại các cửa khẩu Hữu Nghị, Tân Thanh lên khoảng 4 - 5 lần so với thời điểm hiện tại. Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị từ 750 xe/ngày lên 2.500-3.000 xe/ngày; Cửa khẩu phụ Tân Thanh

từ 300 xe/ngày lên 1.500-2.000 xe/ngày. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tất cả các loại hình qua Cửa khẩu Hữu Nghị phần đầu đạt 100 tỷ USD; qua Cửa khẩu Tân Thanh đạt 25 tỷ USD. Đặc biệt, mô hình này sẽ giảm chi phí vận chuyển, thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu; tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước; chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, góp phần ổn định và nâng cao đời sống cho nhân dân khu vực biên giới.

KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Việc xây dựng mô hình cửa khẩu thông minh chắc chắn sẽ có những vướng mắc về thủ tục pháp lý, về quy hoạch, hạ tầng cửa khẩu...

Thứ nhất, việc xây dựng cửa khẩu thông minh là một vấn đề mới, chưa có tiền lệ, còn thiếu cơ sở pháp lý. Hiện nay, pháp luật của Việt Nam vẫn chưa có Quy định về mô hình này, các Hiệp định của Việt Nam với Trung Quốc về vận tải hàng hóa trên đất liền cũng chưa có mô hình phương tiện không người lái thực hiện vận chuyển hàng hóa sang 2 Bên. Cùng với đó là những vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng, vốn đầu tư... cũng cần tiếp tục được Trung ương và địa phương quan tâm, cũng như xã hội hóa nguồn vốn để triển khai mô hình cửa khẩu thông minh này".

Thứ hai, thí điểm "cửa khẩu thông minh" là việc hai nước Việt Nam – Trung Quốc cùng phối hợp xây dựng tuyến đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa XNK độc lập, khép kín tách

biệt với đường vận chuyển hàng hóa truyền thống hiện nay đang sử dụng, trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại vào quá trình "giao nhận" hàng hóa XNK. Việc triển khai xây dựng cửa khẩu thông minh áp dụng phương thức vận chuyển hàng hóa không người lái di chuyển theo tuyến đường cố định, không gián đoạn 24/7 từ Việt Nam sang Trung Quốc và ngược lại, kết hợp với các thiết bị cầu container tự động hoá trên cơ sở định vị vệ tinh và công nghệ 5G. Điều này sẽ ảnh hưởng đến quy trình giám sát của cơ quan Hải quan đối với hàng hoá, phương tiện chở hàng XNK qua lại biên giới giao nhận hàng hoá, quy định khai báo Bản kê thông tin hàng hoá nhập khẩu điện tử theo Công văn số 1790/TCHQ-GSQL ngày 17/4/2023 của Tổng cục Hải quan.

Thứ ba, chưa tương thích về mặt hành chính giữa hai bên, do đó, còn vướng mắc về bộ máy hành chính, thủ tục hành chính.

Thứ tư, khi xây dựng cửa khẩu thông minh sẽ phải mở rộng các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hoá XNK của Công ty CP Hữu Nghị Xuân Cương (tại cửa khẩu Hữu Nghị) và Công ty cổ phần vận tải thương mại Bảo Nguyên, các địa điểm này mở rộng sẽ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ và được Tổng cục Hải quan cho phép, công nhận.

Thứ năm, việc chia sẻ, kết nối dữ liệu với phía Trung Quốc, việc trang bị các phương tiện

soi chiếu container, cân điện tử, hệ thống nhận diện, giám sát, cần có sự thống nhất với quá trình triển khai hải quan số với mô hình quản lý hải quan thông minh theo định hướng tại Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030 mà Tổng cục Hải quan đang triển khai thực hiện.

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Việc xây dựng cửa khẩu thông minh là một vấn đề mới, chưa có tiền lệ. Do đó, các bộ, ngành Trung ương cần hỗ trợ, giúp đỡ tỉnh Lạng Sơn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế quản lý, vận hành, các thủ tục pháp lý liên quan, do đây là mô hình mới, có nhiều nội dung chưa có trong các quy định hiện hành.

- Các Bộ, ngành Trung ương và cơ quan liên quan của tỉnh Lạng Sơn cần xem xét, nghiên cứu một cách cẩn trọng, đưa ra lộ trình, kế hoạch thực hiện cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam nói chung và tỉnh Lạng Sơn nói riêng, nhất là tính toán nguồn vốn thực hiện và giá trị kinh tế mang lại cho địa phương.

- Ngoài ra, các Sở, Ngành, đơn vị của tỉnh Lạng Sơn cần xây dựng, đưa ra cơ chế vận hành, quản lý, phương án xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện mô hình cửa khẩu thông minh để trình Chính phủ, xin ý kiến các Bộ, ngành Trung ương.

- Chính phủ, các Bộ, Ngành sớm có cơ chế giải quyết các vướng mắc để thống nhất về mặt hành chính giữa hai bên trước khi triển khai cửa khẩu thông minh.

Để nâng cao hiệu quả triển khai sau khi Đề án được Chính phủ phê duyệt, cơ quan Hải quan cần triển khai một số công việc sau:

Thứ nhất, xem xét thành lập Đoàn công tác phối hợp với Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn để:

- Khảo sát thực tế địa điểm bố trí, việc trang bị các trang thiết bị kiểm tra, giám sát phương tiện vận chuyển hàng hoá không người lái (máy soi container, cân điện tử, hệ thống nhận diện, camera giám sát,...) và hướng dẫn việc chia sẻ, kết nối dữ liệu với phía Trung Quốc để thống nhất với quá trình triển khai hải quan số với mô hình quản lý hải quan thông minh của Tổng cục Hải quan.

- Xây dựng quy trình giám

sát đặc thù đối với phương tiện vận chuyển không người lái do quy trình giám sát này phát sinh lần đầu tiên, chưa có tiền lệ.

Thứ hai, Tổng cục Hải quan tiếp tục nghiên cứu, báo cáo Bộ Tài chính tham gia ý kiến khi còn một số nội dung chưa thật sự phù hợp, đặc biệt là việc phân công nhiệm vụ chủ trì của một số Bộ, ngành Trung ương liên quan.

Mô hình cửa khẩu thông minh dự kiến năm 2026 sẽ hoàn thành và chạy thử nghiệm từ 01/01/2026 đến 31/12/2028. Khi đưa cửa khẩu thông minh vào sử dụng thì hiệu suất thông quan, sản lượng và kim ngạch xuất nhập khẩu dự báo sẽ tăng từ 2-3 lần vào năm 2027 và tăng 4-5 vào năm 2030. Dự kiến sẽ giảm từ 30-40% chi phí thông

quan, chi phí bến bãi, dịch vụ tại các cửa khẩu hai bên.

Bên cạnh đó, cửa khẩu thông minh sẽ thúc đẩy việc chuyển đổi phương thức sản xuất và xuất khẩu của doanh nghiệp theo hướng chính ngạch và chuyên nghiệp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu; giúp minh bạch hóa, hạn chế các tiêu cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu; Thúc đẩy phát triển các dịch vụ liên quan như: bảo hiểm, ngân hàng, viễn thông,... hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ kho vận - logistics, thương mại và các dịch vụ phụ trợ tại cửa khẩu./.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu...

 [Tiếp theo trang 14](#)

chuyển vận chuyển qua lại giữa các cảng, kho, bãi, địa điểm trong cụm cảng công-ten-nơ khu vực Cái Mép; Thông tư sửa Thông tư 50/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông theo quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ; Thông tư ban hành các chỉ tiêu thông tin đối với các mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định quy định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu, ...

Để hoàn thành các nhiệm vụ trên, Tổng cục Hải quan cần tập trung nguồn lực nâng cao chất

lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Ủy ban của Quốc hội và các đơn vị thuộc Bộ để triển khai thực hiện nhiệm vụ soạn thảo, đề nghị đại diện các cơ quan này tham gia ngay từ đầu trong quá trình soạn thảo văn bản và tham dự các cuộc họp để thảo luận, cho ý kiến vào dự thảo; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong việc soạn thảo, trình văn bản./.

Quản lý Hải quan đối với nhập khẩu than đá bằng băng chuyền kín xuyên biên giới tại cửa khẩu La Lay - Quảng Trị

 **ThS TRẦN MẠNH CƯỜNG**
Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị

Ngày 5/1/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết 04/NQ-CP đồng ý về việc đoạn băng tải thuộc dự án xây dựng hệ thống băng tải vận chuyển than đá từ Lào về Việt Nam. Đây là cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kho bãi và hệ thống băng tải vận chuyển than đá nhập khẩu tại cửa khẩu quốc tế La Lay; có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị, đồng thời đặt ra yêu cầu quản lý hải quan đối với than đá nhập khẩu bằng phương thức băng chuyền xuyên biên giới lần đầu tiên được thực hiện tại Việt Nam.

KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN BĂNG TẢI VẬN CHUYỂN THAN NHẬP KHẨU QUA CỬA KHẨU QUỐC TẾ LA LAY

Cửa khẩu quốc tế (CKQT) La Lay - tỉnh Quảng Trị là một trong những cửa khẩu trên tuyến biên giới Việt - Lào có nhiều lợi thế về vị trí địa lý và thị trường, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Cửa khẩu nằm trên tuyến đường quốc lộ 15D kết nối huyện Đakrong - tỉnh Quảng Trị và tỉnh Salavan - Lào, trục đường tiếp giáp 4 tỉnh Nam Lào (gồm Salavan, Sekong, Champasack, Attpeau) và tỉnh UBon - trung tâm kinh tế xã hội của khu vực Đông Bắc Thái Lan. CKQT La Lay còn là cửa khẩu kết nối nhanh chóng, thuận lợi với các cảng biển trọng điểm của miền Trung như Đà Nẵng, Chân Mây (Thừa Thiên Huế), Cảng biển Mỹ Thủy (Quảng Trị), tạo thành hành lang kinh tế ngắn nhất mang tên Para-EWEC¹ đáp ứng nhu cầu tối ưu hóa vận chuyển hàng hóa của doanh nghiệp. Song song với hành lang này là Hành lang kinh tế đông tây-EWEC, điểm cuối là Quốc lộ 9. Hiện nay lượng

hàng hóa qua hai hành lang rất lớn, nhất là hành lang Para-EWEC, đòi hỏi nhu cầu tối ưu hóa quy trình logistics phục vụ phát triển vận tải hàng hóa và xây dựng Cảng biển Mỹ Thủy².

Từ năm 2022, các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu than đá từ Mỏ Ka Lưm - Lào về Việt Nam qua CKQT La Lay (khoảng 500 nghìn tấn, đóng góp vào thu NSNN trên 100 tỷ đồng), tạo ra sự gia tăng nhanh chóng về kim ngạch, số thu ngân sách nhà nước (NSNN) thời gian qua và trong những năm tới, đồng thời còn là chân hàng cho cảng Mỹ Thủy. Năm 2023, có 06 doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu than đá tại Chi cục Hải quan cửa khẩu La Lay, với sản lượng trên 2,15 triệu tấn (tăng hơn 339% so với tổng lượng than đá nhập khẩu cả năm 2022) với kim ngạch đạt trên 175 triệu USD (đạt 156% so với tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu cả năm 2022), thu thuế đạt hơn 484 tỷ đồng (tăng 295% so với số thu từ than đá nhập khẩu năm 2022 và bằng 242% tổng thu ngân sách năm 2022 của Chi cục). Bình quân ngày có trên 200 lượt phương tiện ô tô, cao điểm có ngày đến 400, 500 phương tiện ô tô xuất nhập cảnh chuyên chở mặt hàng than đá³.

Mỏ than Ka Lưm với tổng trữ lượng 800 triệu tấn, khối lượng khai thác trong năm 2023 đạt hơn 7,7 triệu tấn; trong đó xuất khẩu 2,5 triệu tấn. Năm 2024 dự kiến sẽ khai thác 22,6 triệu tấn than, xuất khẩu 19 triệu tấn, riêng vào thị trường Việt Nam là

1. Hành lang kinh tế Đông Tây (EWEC)

2. <https://special.nhandan.vn/quang-tri-quyet-tam-dong-bo-hien-dai-co-so-ha-tang-giao-thong/index.html>

3. Công văn 1388/HQQT-NV ngày 12/7/2022 v/v dự án băng tải than qua cửa khẩu quốc tế La Lay và dự thảo Quy trình Thủ tục Hải quan đối với nhập khẩu than bằng hệ thống băng tải vận chuyển qua cửa khẩu quốc tế La Lay



11 triệu tấn, chủ yếu qua cửa khẩu quốc tế La Lay⁴. Với nỗ lực như giai đoạn hiện nay thì trung bình một năm chỉ có thể nhập khẩu qua La Lay khoảng 2 – 3 triệu tấn than đá, không đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu từ các mỏ than Lào.

Do vậy, Công ty TNHH Nam Tiến⁵, Tập đoàn Phonesack⁶ đã nghiên cứu và đề xuất giải pháp xây dựng dự án băng chuyển than dạng kín từ bãi tập kết phía Lào qua biên giới tới bãi tập kết phía Việt Nam với nguồn đầu tư của doanh nghiệp nhằm gia tăng lưu lượng than nhập khẩu qua CKQT La Lay. Dự án đưa vào khai thác, hoạt động sẽ giải quyết được khó khăn về hạ tầng tại CKQT La Lay, tuyến đường quốc lộ 15D nối cửa khẩu, giảm áp lực về hạ tầng giao thông, giảm ô nhiễm môi trường so với hoạt động vận chuyển than bằng ô tô, nhất là sẽ tạo ra đột biến về sản lượng than nhập khẩu qua cửa khẩu, dự tính mỗi năm có từ 15 đến 20 triệu tấn than đá nhập khẩu qua CKQT La Lay, gấp 10 lần so với vận chuyển bằng phương tiện đường bộ thông thường.

Dự án băng chuyển tải than dạng kín được xây dựng với trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, kết nối hệ thống kho bãi phía Lào (đã triển khai giải phóng mặt bằng, xây dựng trên diện tích 15,86 ha) và một kho bãi phía Việt Nam (dự kiến xây dựng trên diện tích 15 ha)⁷. Giải pháp vận chuyển than

qua cửa khẩu La Lay được lựa chọn theo phương thức vận tải liên tục bằng băng tải lòng máng bao che kín. Chiều dài tuyến dự kiến 5.500m. Điểm đầu nhận tải tại kho bãi hàng hóa (phía Lào) cách đường biên giới khoảng 200m. Điểm cuối dỡ tải tại kho bãi hàng hóa nằm trên địa bàn xã ANgo, huyện Đăkrông, tỉnh Quảng Trị (Việt Nam). Công suất vận chuyển của hệ thống được dự kiến đầu tư theo 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 (dự kiến đầu tư năm 2024) gồm tuyến băng tải có tổng năng suất vận chuyển 3000 tấn/h (tương đương 16 triệu tấn/năm). Giai đoạn 2 (dự kiến đầu tư năm 2030) đầu tư bổ sung thêm 01 tuyến băng tải có tổng năng suất vận chuyển 3000 tấn/h (tương đương 16 triệu tấn/năm).

Tại hai đầu cầu băng qua đường biên giới sẽ bố trí 02 trạm chuyển tải đồng thời là trạm kiểm soát an ninh cho người và hàng hóa. Trạm số 1 trên lãnh thổ phía Lào và Trạm số 2 trên lãnh thổ phía Việt Nam. Hệ thống loại bỏ hàng hóa khác lẫn trong than được đặt trong trạm chuyển tải số 1 (phía Lào). Vật liệu vận chuyển được qua máy sàng có kích thước mắt lưới D=50mm, cho phép toàn bộ than trên băng lọt qua, tiếp tục vận chuyển về kho trung chuyển. Những thành phần, hàng hóa khác có kích thước >50mm bị giữ lại trên lưới sàng, được đưa về khu vực tập kết bằng băng tải. Khu vực này do đơn vị chức năng của cửa khẩu quản lý, xử lý hàng hóa không phải là than (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành. Tại vị trí này có lắp đặt hệ thống camera giám sát 24/24, kết nối với trung tâm quản lý hải quan cửa khẩu, có dung lượng bộ nhớ lớn, đủ lưu giữ số liệu trong vòng 6 đến 12 tháng.

Toàn bộ hoạt động trong Trạm chuyển tải số 2 (phía Việt Nam) sẽ được giám sát bằng camera và truyền trực tiếp về cơ quan quản lý cửa khẩu

4. <https://special.nhandan.vn/quang-tri-quyet-tam-dong-bo-hien-dai-co-so-ha-tang-giao-thong/index.html>

5. Thái Nguyên, Việt Nam

6. Là một trong những tập đoàn lớn nhất tại Lào, nắm vai trò mấu chốt trong duy trì, gia tăng GDP hằng năm của đất nước này

7. Công văn 1388/HQQT-NV ngày 12/7/2022 v/v dự án băng tải than qua cửa khẩu quốc tế La Lay và dự thảo Quy trình Thủ tục Hải quan đối với nhập khẩu than bằng hệ thống băng tải vận chuyển qua cửa khẩu quốc tế La Lay

và trung tâm điều hành sản xuất của nhà đầu tư; Khối lượng than vận chuyển qua cửa khẩu sẽ được kiểm soát bằng hệ thống cân bằng tải tự động. Cân được lắp đặt ở 02 đầu Việt Nam - Lào. Dữ liệu cân được truyền theo thời gian thực về cơ quan quản lý cửa khẩu của Việt Nam và Lào, đồng thời cũng truyền về trung tâm điều hành của nhà đầu tư. Số liệu giữa 2 cân bên Việt Nam và Lào sẽ được kiểm tra chéo giữa 2 bên để tránh những chênh lệch về số liệu xuất/nhập qua cửa khẩu.

Như vậy, với thiết kế hệ thống băng chuyển như trên sẽ rất thuận lợi và đảm bảo công tác quản lý nhà nước về hải quan, nhất là nhiệm vụ chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng cấm như ma túy, vũ khí... thông qua băng chuyển.

YÊU CẦU QUẢN LÝ HẢI QUAN ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU THAN ĐÁ BẰNG BĂNG CHUYỂN KÍN XUYẾN BIÊN GIỚI TẠI CKQT LA LAY

Chi cục Hải quan CKQT La Lay thực hiện công tác quản lý hải quan, thủ tục hải quan đối với mặt hàng than đá nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành tại Luật Hải quan; Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục Hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018; Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC; Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan.

Trên cơ sở các quy định hiện tại đối với quy trình kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu nói chung, than đá nhập khẩu bằng phương tiện thông thường (ô tô) nói riêng, thì yêu cầu quản lý hải quan đặt ra đối với vận chuyển than đá nhập khẩu bằng băng chuyển là để đảm bảo thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, chống ma túy... Với mục tiêu đảm bảo quản lý hải quan, đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan số, hải quan thông minh, trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến, trang thiết bị hiện đại của hệ

thống băng chuyển than, các giải pháp được đề xuất gồm: (1) Xây dựng và hoàn thiện Quy trình thủ tục hải quan đối với nhập khẩu than bằng hệ thống băng tải vận chuyển qua CKQT La Lay; (2) giải pháp về nguồn lực, con người và điều kiện về hạ tầng kỹ thuật thiết bị kỹ thuật về camera giám sát, cân điện tử, hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu

Các yêu cầu đảm bảo quản lý hải quan đối với than đá nhập khẩu bằng hệ thống băng chuyển này được thể hiện trên một số nội dung sau:

Thứ nhất, đối với bãi tập kết hàng tại Việt Nam, để có thể đi vào hoạt động, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện để Tổng cục Hải quan công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới, cụ thể, là việc đảm bảo quy định về Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới tại Điều 36 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020) Cụ thể:

Về vị trí: Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới nằm trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu vực cửa khẩu biên giới đất liền. Trường hợp nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu thì cách khu vực cửa khẩu có bán kính không quá 10 km.

Về diện tích: Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính có diện tích khu đất tối thiểu 5.000 m². Các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới nằm tại khu vực khác có diện tích khu đất tối thiểu 3.000 m².

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan; Có phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất dữ liệu trực tuyến cho cơ quan Hải quan về tên hàng, số lượng, tình trạng của hàng hóa, thời điểm hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ trong địa điểm chi tiết theo vận đơn và/ hoặc tờ khai hải quan để quản lý theo Hệ thống quản lý, giám sát hàng hóa tự động; Có hệ thống camera đáp ứng kết nối trực tuyến với cơ quan Hải quan quản lý. Hình ảnh quan sát được mọi vị trí của địa điểm vào tất cả các thời điểm trong ngày

(24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh được lưu giữ tối thiểu trong 06 tháng;

Thứ hai, về quy trình thủ tục, yêu cầu quản lý hải quan được đặt ra là:

(1) Việc xây dựng quy trình thủ tục hải quan đối với nhập khẩu than bằng hệ thống băng chuyền kín xuyên biên giới đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật và tận dụng tối đa những lợi thế về thiết kế, công nghệ của hệ thống băng chuyền.

(2) Về thủ tục tiếp nhận tờ khai, thực hiện kiểm tra, giám sát đảm bảo quy định hiện hành đối với hàng hóa nhập khẩu về tên hàng, quy cách phẩm chất, mã số hàng hóa, đặc biệt trong các trường hợp cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa (tờ khai luồng đỏ); đảm bảo quản lý hải quan đối với trọng lượng nhập khẩu mặt hàng than đá bằng hệ thống băng tải.

(3) Trên cơ sở hoạt động của băng chuyền than và hệ thống công nghệ về sàng lọc, cân điện tử, camere giám sát, đảm bảo kiểm soát hải quan, thực hiện phòng chống buôn lậu, lợi dụng băng tải than để vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Theo Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 3/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định: “Đẩy mạnh hợp tác kinh tế qua các cửa khẩu trong vùng gắn với Hành lang kinh tế Đông Tây”. Cùng với hành lang kinh tế Đông Tây, tuyến Quốc lộ 15D kết nối cảng nước sâu Mỹ Thủy với CKQT La Lay được xác định là tuyến đường quốc tế quan trọng, tạo thành hành lang kết nối Đông Tây ngắn nhất, thúc đẩy phát triển mọi mặt của tỉnh⁸. Đây sẽ là định hướng, mục tiêu đặt ra các yêu cầu, giải pháp để đảm bảo quản lý hải quan khi thực hiện dự án băng chuyền xuyên biên giới vận chuyển than đá nhập khẩu tại CKQT La Lay đáp ứng yêu cầu xây dựng hải quan số, hải quan thông minh, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội không chỉ của tỉnh Quảng Trị mà còn có ý nghĩa liên vùng quốc tế trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây./.

8. Thông báo số 17/TB-UBND ngày 02/2/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về kết luận của Chủ tịch tỉnh Võ Văn Hưng tại buổi làm việc liên ngành tại cửa khẩu La Lay.

QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG TRỊ

(1) Khảo sát tính khả thi của dự án: thành lập đoàn công tác tại tỉnh Salavan- Lào và tham quan thực địa tại mỏ than Kalum thuộc huyện Kalum, tỉnh XeKong, Lào do Công ty TNHH Nhà máy nhiệt điện XeKong thuộc tập đoàn Phonesack- Lào đang quản lý và khai thác (vào tháng 4/2023)

(2) Thành lập nhóm nghiên cứu và hoàn thiện hồ sơ đề xuất xây đề tài nghiên cứu “Quản lý hải quan đối với phương thức nhập khẩu than đá bằng băng chuyền kín xuyên biên giới tại cửa khẩu quốc tế La Lay thuộc tỉnh Quảng Trị”; được Tổng cục Hải quan phê duyệt đề tài khoa học cấp Ngành năm 2024 (tháng 6/2023)

(3) Báo cáo Tổng cục Hải quan về dự án và đề xuất Quy trình thủ tục hải quan đối với nhập khẩu than đá bằng hình thức băng tải xuyên biên giới; đồng thời làm việc với Đoàn công tác của lãnh đạo Tổng cục và các Vụ, Cục về công tác kiểm tra, giám sát tại CKQT La Lay, trong đó có nội dung về xây dựng quy trình và cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan CKQT La Lay khi băng tải than đi vào hoạt động (tháng 7/2023)

(4) Tổ chức đoàn công tác, học tập tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh nhằm nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm quản lý đối với một số phương thức vận chuyển đặc thù của hàng hóa là khí, ga; tham quan hệ thống băng tải than tại Cảng Cẩm Phả làm cơ sở để xây dựng hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với dự án băng tải vận chuyển than qua CKQT La Lay (tháng 9/2023)

(5) Làm việc với Chủ tịch UBND tỉnh và các Sở ban ngành tại CKQT La Lay về tình hình triển khai các hạng mục hạ tầng tại khu vực CKQT La Lay, để hiện Nghị quyết 04/NQ-CP ngày 5/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý về việc đoạn băng tải thuộc dự án xây dựng hệ thống băng tải vận chuyển than đá từ Lào về Việt Nam được cắt qua đường biên giới Việt Nam - Lào.

Tiềm năng ứng dụng công nghệ kết nối internet vạn vật (IoT) trong công tác kiểm tra, giám sát Hải quan tại cửa khẩu đường biển và đường bộ

 **CAO HUY TÀI**
Cục CNTT&TKHQ-TCHQ

Vạn vật kết nối hay internet vạn vật (IoT) mang lại lợi ích vô cùng to lớn đối với đời sống kinh tế, xã hội loài người. Mạng IoT cho phép truy cập thông tin mọi lúc, mọi nơi trên các thiết bị có khả năng kết nối internet; các thiết bị có thể giao tiếp với nhau một cách nhanh chóng và dễ dàng; dữ liệu được truyền qua mạng Internet giúp tiết kiệm thời gian và chi phí trong quá trình vận hành các công nghệ IoT.

1. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ IOT MANG LẠI NHIỀU LỢI ÍCH CHO CƠ QUAN HẢI QUAN

- Cung cấp dữ liệu và thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan. Theo đó, giúp cải thiện quản lý rủi ro, hiệu quả hơn trong quy trình thông quan và phân tích tốt hơn. Để thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình, cơ quan Hải quan cần có các thông tin về hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh, cụ thể là thông tin hàng hóa gì, có đúng chủng loại, xuất xứ và số lượng khai báo hay không, có còn nguyên trạng hay không, hàng hóa và phương tiện đó đã ra khỏi khu vực kiểm soát của cơ quan Hải quan hay chưa,... Việc ứng dụng công nghệ IoT sẽ cung cấp dữ liệu phong phú để cơ quan thực hiện việc phân tích dữ liệu, đặc biệt là phân tích rủi ro để đưa ra quyết định thông quan, giải phóng hàng. Từ dữ liệu thu thập được, Hải quan có thể ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, máy học, phân tích hiện đại để phát hiện ra những hàng hóa và phương tiện vận tải có rủi ro cao để có biện pháp xử lý kịp thời, đồng thời tạo thuận lợi thông quan cho những doanh nghiệp tuân thủ pháp luật tốt.

- Ứng dụng công nghệ IoT góp phần tiêu chuẩn hóa các quy trình vì lợi ích của doanh

nh nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan, đồng thời tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan. Trong bối cảnh thương mại phát triển, số lượng hàng hóa và phương tiện vận tải tăng lên nhanh chóng, các hình thức buôn lậu và gian lận thương mại ngày càng phức tạp và tinh vi, yêu cầu phải nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hải quan nhưng cũng đồng thời tạo thuận lợi thương mại. Đòi hỏi cơ quan Hải quan phải ứng dụng công nghệ số, trong đó công nghệ IoT cho phép có các thông tin để phân tích, ra quyết định chính xác đối với việc thông quan hàng hóa.

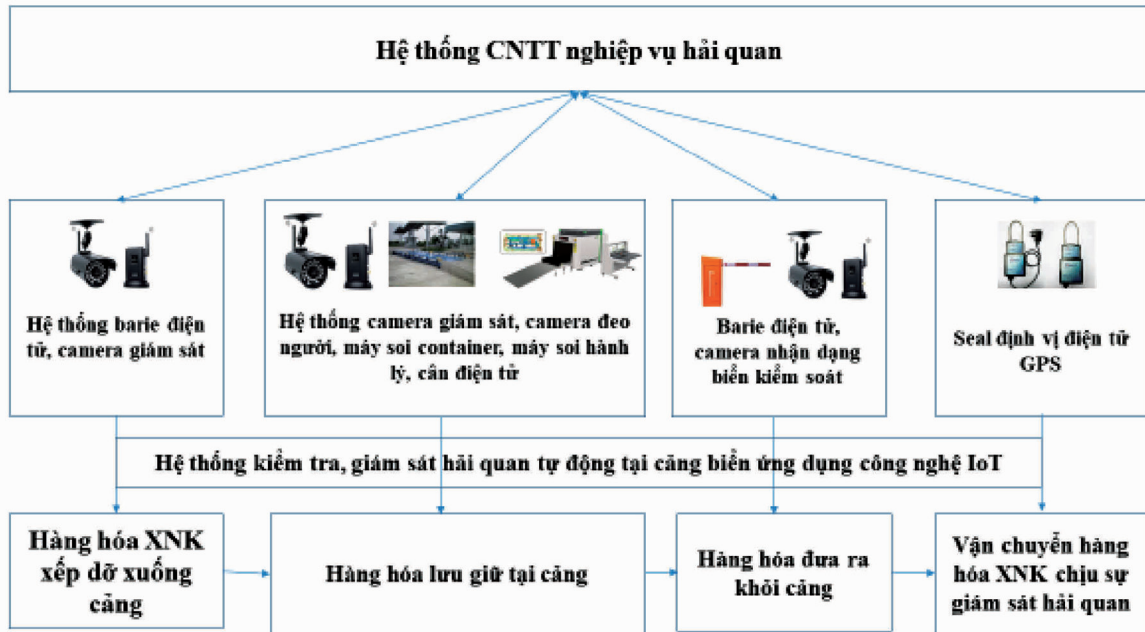
- Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hải quan trên cơ sở dữ liệu có được từ hệ thống IoT kết hợp với công nghệ trí tuệ nhân tạo giúp cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát nhanh chóng mà vẫn đạt được hiệu quả cao.

2. GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ IOT TRONG CÔNG TÁC GIÁM SÁT TẠI CẢNG BIỂN VÀ CỬA KHẨU ĐƯỜNG BỘ

Trong thời gian tới, Hải quan Việt Nam cần nghiên cứu và sử dụng các thuật toán phục vụ triển khai các hệ thống IoT và các công nghệ số có liên quan đã nghiên cứu để nâng cao hiệu quả triển khai hệ thống IoT của mình, trong đó trước mắt ưu tiên ứng dụng công nghệ IoT trong việc giám sát hàng hóa qua cảng biển và cửa khẩu biên giới đường bộ vì khối lượng hàng hóa và phương tiện vận tải chiếm tỷ trọng lớn.

a. Về ứng dụng công nghệ IoT trong việc giám sát hàng hóa XNK qua cảng biển

Hiện nay, cả nước hiện có 196 bến cảng/34 cảng biển, trong đó 137/196 bến cảng thuộc



Mô hình 1: Ứng dụng công nghệ IoT trong kiểm tra, giám sát tại cảng biển

quản lý của 19 Cục Hải quan tỉnh, thành phố đã có kết nối với hệ thống quản lý, giám sát hải quan tự động của cơ quan Hải quan. Loại hình hàng hóa XNK tại các cảng biển chủ yếu gồm hàng container/rời/lồng và các loại hình hàng hóa khác (hàng khí, hàng tổng hợp, hàng chuyên dùng). Theo đó, số lượng hàng hóa XNK qua cảng biển Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số hàng hóa XNK. Thời gian qua, ngành Hải quan đã đưa trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác giám sát đối với hàng hóa XK, NK tại các cảng biển như máy soi container, máy soi hành lý, hệ thống camera giám sát; hệ thống seal định vị điện tử; đồng thời đã có hệ thống CNTT phục vụ theo dõi hàng hóa đưa vào, đưa ra khu vực kho, bãi, cảng.

Tuy nhiên, việc triển khai các trang thiết bị, phương tiện giám sát hải quan còn hạn chế, hoạt động độc lập, chưa kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan, đồng thời chưa đẩy mạnh ứng dụng công nghệ IoT trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan. Trong thời gian tới, cơ quan Hải quan cần triển khai đồng bộ ứng dụng công nghệ IoT theo hướng tự động hóa công tác giám sát, liên kết hệ thống máy móc thiết bị với hệ thống thông quan nhằm nâng cao hiệu quả, tần suất sử dụng và yêu cầu quản lý về hải quan, khắc phục tình trạng các trang thiết bị kiểm tra, giám sát hải quan hoạt động độc lập với hệ thống nghiệp vụ, tập trung hóa tối đa xử lý việc kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan

toàn diện từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, như mô hình 1.

Theo đó, hàng hóa XNK được kiểm tra, giám sát từ khi hạ bãi cho đến khi vận chuyển ra khỏi khu vực cảng, vận chuyển và thông quan.

- Kiểm tra, giám sát hàng hóa trong quá trình xếp dỡ hàng hóa từ phương tiện vận tải xuống cảng: Triển khai kết nối hệ thống camera giám sát của cơ quan Hải quan kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan và triển khai kết nối hệ thống camera giám sát của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng với hệ thống nghiệp vụ hải quan; triển khai hệ thống cân điện tử kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan.

- Kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu giữ hàng hóa tại cảng

+ Tiếp tục triển khai kết nối hệ thống camera giám sát của cơ quan Hải quan kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan và triển khai kết nối hệ thống camera giám sát của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng với hệ thống nghiệp vụ hải quan để giám sát hàng hóa trong quá trình lưu giữ tại cảng.

+ Giám sát và kiểm tra thực tế hàng hóa XNK tại cảng: Triển khai hệ thống camera giám sát để quay chụp lại hiện trường kiểm tra thực tế hàng hóa kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan cho

phép gửi dữ liệu kiểm tra trực tiếp tới hệ thống CNTT của cơ quan Hải quan để hỗ trợ việc phân tích và ra quyết định thông quan, đồng thời tăng tính minh bạch, liêm chính trong thực thi công vụ.

+ Kiểm tra hàng hóa XNK tại cảng: toàn bộ thông tin và dữ liệu soi chiếu sẽ gửi về hệ thống để hỗ trợ phân tích dữ liệu, hình ảnh soi chiếu cho cán bộ nghiệp vụ; đồng thời triển khai kết nối hệ thống cân điện tử với hệ thống nghiệp vụ hải quan để hỗ trợ phân tích rủi ro, đưa ra quyết định thông quan hàng hóa kịp thời.

- Về kiểm tra giám sát hàng hóa đưa ra khỏi cảng: Trang bị hệ thống barie điện tử thông minh đáp ứng yêu cầu số hóa toàn bộ thông tin giám sát hải quan. Đồng thời, tích hợp với hệ thống camera nhận dạng biển kiểm soát của phương tiện vận tải. Đối với những lô hàng đủ điều kiện ra khỏi khu vực cảng biển sẽ cho phép barie mở và hệ thống nghiệp vụ sẽ xác nhận dữ liệu liên quan đến thông quan, giải phóng hay đưa hàng về bảo quản,...

- Về giám sát quá trình vận chuyển hàng hóa XNK vận chuyển từ cảng biển: Tiếp tục triển khai hệ thống seal định vị điện tử để giám sát quá trình vận chuyển.

b. Triển khai hệ thống IoT giám sát hàng hóa và phương tiện vận tải tại khu vực cửa khẩu biên giới đường bộ

Hiện nay quản lý hàng hóa XNK, phương tiện vận tải XNC còn một số vấn đề trong công tác kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải đường

bộ như: chồng chéo trong việc làm thủ tục cho phương tiện vận tải XNC giữa cơ quan Hải quan và cơ quan Biên phòng, có trường hợp phương tiện được xuất cảnh/nhập cảnh nhưng sau đó chủ phương tiện không sử dụng phương tiện để nhập cảnh/xuất cảnh tiếp theo để cơ quan Hải quan có thể thực hiện theo dõi, giám sát, do đó khó khăn trong việc truy tìm đối với các trường hợp phương tiện quá hạn tạm nhập chưa tái xuất...

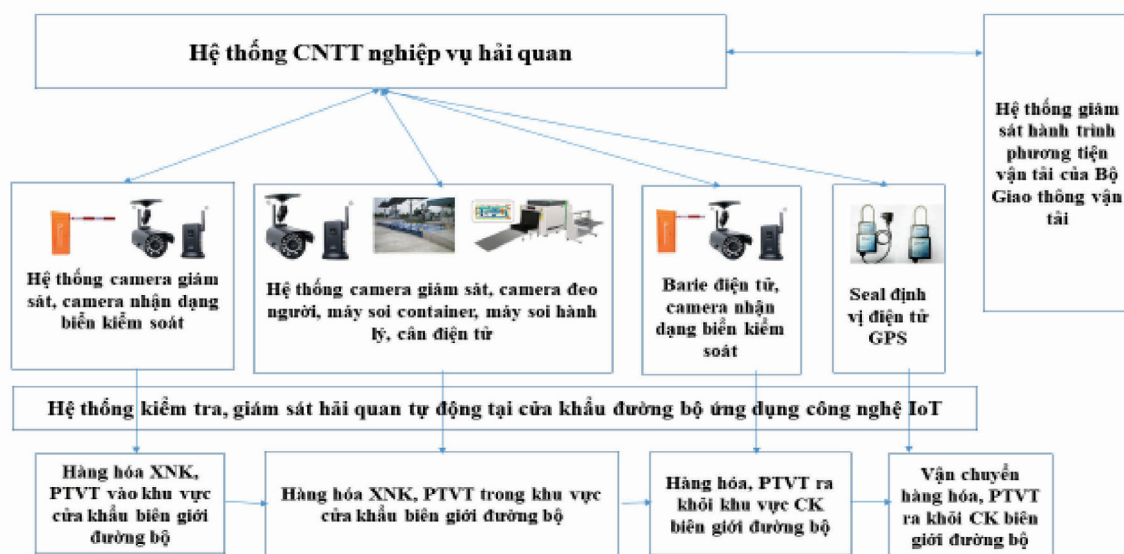
Do đó, trong thời gian tới cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ IoT để giảm tải công việc thủ công hiện nay, nâng cao mức độ tự động hóa, cụ thể như mô hình 2:

Theo đó, hàng hóa XNK, phương tiện vận tải XNC, quá cảnh được kiểm tra, giám sát từ khi đi vào khu vực cửa khẩu, trong quá trình ra khỏi cửa khẩu, vận chuyển và thông quan.

- Kiểm tra, giám sát hàng hóa XNK, phương tiện vận tải XNC, quá cảnh vào cửa khẩu: Triển khai hệ thống barie điện tử, hệ thống camera nhận dạng biển số; triển khai hệ thống cân điện tử kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan để thu thập thông tin về hàng hóa và phương tiện vận tải vào khu vực cửa khẩu.

- Kiểm tra, giám sát trong quá trình hàng hóa XNK, phương tiện vận tải XNC, quá cảnh lưu giữ tại khu vực cửa khẩu.

+ Tiếp tục triển khai kết nối hệ thống camera giám sát của cơ quan Hải quan kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan và triển khai kết nối hệ



Mô hình 2: Ứng dụng công nghệ IoT trong kiểm tra, giám sát tại cửa khẩu đường bộ

thống camera giám sát của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng với hệ thống nghiệp vụ hải quan để giám sát hàng hóa trong quá trình lưu giữ tại khu vực cửa khẩu.

+ Giám sát và kiểm tra thực tế hàng hóa XNK cửa khẩu: Triển khai hệ thống camera giám sát để quay chụp lại hiện trường kiểm tra thực tế hàng hóa kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan cho phép gửi dữ liệu kiểm tra trực tiếp tới hệ thống CNTT của cơ quan Hải quan để hỗ trợ việc phân tích và ra quyết định thông quan, đồng thời tăng tính minh bạch, liêm chính trong thực thi công vụ.

+ Kiểm tra hàng hóa XNK tại cửa khẩu: Triển khai đồng bộ công nghệ IoT bao gồm triển khai hệ thống máy soi container và máy soi hành lý kết nối với hệ thống CNTT nghiệp vụ hải quan. Theo đó, toàn bộ thông tin và dữ liệu soi chiếu sẽ gửi về hệ thống để hỗ trợ phân tích dữ liệu, hình ảnh soi chiếu cho cán bộ nghiệp vụ; đồng thời triển khai kết nối hệ thống cân điện tử với hệ thống nghiệp vụ hải quan để hỗ trợ phân tích rủi ro, đưa ra quyết định thông quan hàng hóa kịp thời.

- Về kiểm tra giám sát hàng hóa XNK, phương tiện vận tải XNC, quá cảnh đưa ra khỏi cửa khẩu: Trang bị hệ thống barie điện tử thông minh đáp ứng yêu cầu số hóa toàn bộ thông tin giám sát hải quan. Đồng thời, tích hợp với hệ thống camera nhận dạng biển kiểm soát của phương tiện vận tải. Trên cơ sở đó, đối với những lô hàng đủ điều kiện ra khỏi khu vực cửa khẩu thì khi đi qua hệ thống barie điện tử kết nối với hệ thống nghiệp vụ hải quan sẽ cho phép barie mở để phương tiện và hàng hóa đó ra khỏi khu vực cửa khẩu. Đồng thời, khi hàng hóa XNK và phương tiện vận tải đó qua barie thì hệ thống nghiệp vụ sẽ xác nhận dữ

liệu liên quan đến thông quan, giải phóng hay đưa hàng về bảo quản,...

- Về giám sát quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh, phương tiện vận tải quá cảnh: Triển khai hệ thống seal định vị điện tử để giám sát quá trình vận chuyển.

Trong thời gian tới, Tổng cục Hải quan cần kết nối với Hệ thống giám sát hành trình phương tiện vận tải của Bộ Giao thông vận tải, kết hợp với các thông tin, dữ liệu từ các hệ thống giám sát của cơ quan Hải quan

Toàn bộ các hệ thống IoT được kết nối với hệ thống CNTT nghiệp vụ hải quan, cung cấp thông tin tổng hợp, đầy đủ toàn diện kiểm tra, giám sát một lô hàng XNK, quá cảnh, phương tiện vận tải XNC, quá cảnh từ khi vào khu vực cửa khẩu biên giới cho đến khi ra khỏi khu vực cửa khẩu biên giới.

Bên cạnh đó, trong thời gian tới, Tổng cục Hải quan triển khai các ứng dụng IoT trong việc giám sát hàng hóa ra/vào kho ngoại quan thông qua kết nối giữa hệ thống giám sát camera của doanh nghiệp với hệ thống nghiệp vụ hải quan; thực hiện quản lý, giám sát đối với kho hàng lỏng (xăng, dầu, khí hóa lỏng...) bằng các thiết bị đo có kết nối với hệ thống Hải quan (nhiệt độ, dung tích bồn bể); quản lý XK, NK điện bằng các thiết bị đo có kết nối với hệ thống hải quan; kết nối với các hệ thống kiểm soát an ninh của cơ quan Hải quan như hệ thống phát hiện phóng xạ, chất nổ... Kết nối với các máy coi container, máy soi hành lý để hỗ trợ cho hoạt động phân tích hình ảnh từ xa, phân tích tập trung; nhận dạng hình ảnh đối tượng cần theo dõi thông qua camera giám sát tại các cảng hàng không./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*.

- Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2030 ban hành theo Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính

trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.



Thiết bị phân tích dấu vết, xác định chính xác các chất hoá học trợ thủ đắc lực của nhân viên Hải quan trong việc phát hiện các chất ma túy

TRƯƠNG VĂN HÙNG

Đội Kiểm soát Hải quan - Cục Hải quan tỉnh Bình Định

Một sáng kiến mới nhằm giúp các nhân viên hải quan khi thực thi nhiệm vụ hàng ngày tại hiện trường có thể phân tích dấu vết mà các loại vật chất để lại trên các vật dụng và xác định được tên gọi cụ thể của từng loại chất từ một lượng rất nhỏ dấu vết vật chất còn sót lại - đó là thiết bị đo quang phổ khối cầm tay. Thiết bị giúp đội ngũ thực thi pháp luật nhanh chóng xác định được các loại chất ma túy và giảm thiểu các dấu hiệu rủi ro, đồng thời giúp họ kiểm tra đầy đủ các nội dung thông tin nghi vấn trong quá trình kiểm tra thực tế hàng hoá.

PHÂN TÍCH CÁC CHẤT HOÁ HỌC: SỰ KHÁC BIỆT CỦA CÁC LOẠI THIẾT BỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ THIẾT BỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG NGOÀI HIỆN TRƯỜNG

Phép đo quang phổ khối là một kỹ thuật tiêu chuẩn cao được sử dụng trong tất cả các phòng thí nghiệm giám định pháp y nhằm phân tích các chất hoá học. Kỹ thuật này đã đáp ứng những yêu cầu cần thiết mà nhân viên hải quan cần xác định, đó là: các tính chất đặc trưng của phân tử, khả năng tái tạo, độ chính xác và độ nhạy khi sử dụng mẫu thử với một lượng dấu vết còn lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với lượng thực tế của vật chất cần kiểm tra (lượng mẫu thử chiếm tỷ lệ một phần một tỷ so với lượng thực tế). Thiết bị nặng khoảng 400 pound, đòi hỏi phải được sử dụng trong môi trường được kiểm soát độ ẩm, điều hoà không khí và được cung cấp lượng lớn khí heli hay các loại khí khác. Vì những yêu cầu đòi hỏi nghiêm ngặt về môi trường hoạt động, dụng cụ đo quang phổ khối chỉ thích hợp dùng trong các phòng thí nghiệm giám định pháp y.

Đối với các trường hợp làm việc tại hiện trường cần những kỹ thuật khác đáp ứng được yêu cầu phân tích các chất hoá học và có độ chính

xác cao, bao gồm: i) Kỹ thuật quang phổ di động ion (IMS); ii) Kỹ thuật quang phổ rung, bao gồm quang phổ Raman - dựa trên sự tán xạ ánh sáng không đàn hồi trong một chất mà ánh sáng truyền năng lượng thành các dao động phân tử, là một kỹ thuật phân tích hóa học không phá hủy, cung cấp thông tin chi tiết về cấu trúc hóa học, trạng thái của một chất và tính đa hình, độ kết tinh và tương tác phân tử (kỹ thuật Raman dựa trên sự tương tác của ánh sáng với các liên kết hóa học trong vật liệu) và kỹ thuật quang phổ FTIR (Fourier Transform Infrared Spectroscopy) - phương pháp phân tích FTIR sử dụng ánh sáng hồng ngoại để quét lên các mẫu thử và quan sát tính chất hóa học. Hai kỹ thuật này trước đây chỉ được sử dụng trong một hệ thống xách tay nhỏ gọn, nay đã được phát triển lên ở một cấp độ sử dụng lớn hơn đi kèm với nó là việc nâng cao mức độ chính xác trong việc xác định những đặc điểm đặc trưng của các chất hoá học và khả năng phát hiện, nhận biết các chất.

1) *Kỹ thuật quang phổ di động ion (IMS)* là phương pháp nghiên cứu, phân tích nhằm tách và xác định các phân tử bị ion hóa có trong môi trường khí dựa trên sự dịch chuyển của các phân tử trong môi trường mang khí đệm. IMS được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực hàng không khi các cơ quan an ninh hàng không (như Cơ quan An ninh trong lĩnh vực vận tải của Hoa Kỳ) sử dụng thiết bị phát hiện dấu vết các chất nổ để kiểm tra hành lý của hành khách. Đối với dấu vết các chất nổ mà mắt thường không thể nhìn thấy được, IMS giúp xác định trường hợp hành khách nào đã có sự tiếp xúc gần gũi hay thời gian gần đây đã có sự tiếp xúc với chất nổ. Việc ứng dụng IMS trong lĩnh vực an ninh hàng không đã mở ra cơ hội ứng dụng kỹ thuật này trong các lĩnh vực khác như kiểm soát hải quan và kiểm soát biên giới. Điểm

hạn chế chính của kỹ thuật này là nó không có khả năng xác định một cách chính xác, cụ thể tên gọi của một loại vật chất khi các hợp chất này thuộc cùng một nhóm, ở cấp độ nhỏ hơn, ví dụ: không thể chỉ ra cụ thể loại vật chất là hợp chất TNT hay là DNT (là một loại tiền chất của TNT), vì với chức năng phân tích, kỹ thuật này chỉ phân loại được các hợp chất trong cùng một nhóm vào cùng một loại, trong trường hợp này kết quả phân tích chỉ cho ra tên gọi của vật chất này là chất nổ, không chỉ ra được cụ thể chất nổ loại gì.

2. Kỹ thuật quang phổ rung là kỹ thuật nhận dạng vật chất phổ biến, rất hiệu quả trong việc phân tích một loại vật chất bằng cách thu thập dấu vết phân tử, so sánh với hàng chục ngàn các loại hoá chất đã được nhận biết trong danh mục. Kỹ thuật này được sử dụng phổ biến bởi lực lượng kiểm soát thực thi pháp luật và những đơn vị kiểm tra, rà phá các loại vật chất nguy hiểm nhằm xác định tên gọi của các loại chất khi được phát hiện ra với số lượng lớn dưới dạng chất lỏng, chất bột hay dạng bột nhão. Sử dụng kỹ thuật này để xác định tên gọi của loại vật chất cần phân tích sẽ cho ra kết quả cực kỳ chính xác ngay cả khi phân tích các loại hợp chất cùng một nhóm, như trường hợp phân biệt hợp chất TNT và DNT thì sử dụng hệ thống quang phổ rung cũng cho ra kết quả chính xác trong mọi trường hợp. Hạn chế của kỹ thuật này ở chỗ: nó chỉ có thể xác định được một loại vật chất khi thu giữ được một lượng mẫu nhất định, có thể quan sát được bằng mắt thường và chỉ có thể cung cấp những tính chất, đặc điểm cụ thể của vật chất khi chưa bị pha lẫn tạp chất. Nếu trộn một lượng nhỏ một loại vật chất (chiếm tỷ lệ dưới 10%) trong một hỗn hợp thì kỹ thuật quang phổ rung chỉ xác định được những vật chất chiếm tỷ lệ lớn, là thành phần chính của hỗn hợp. Đây cũng là thách thức đối với nhân viên Hải quan vì trong thực tế có những trường hợp các vụ việc cất giấu, vận chuyển các chất ma túy được che dấu dưới các dạng hỗn hợp của các chất khác mà trong đó có thành phần các chất ma túy như fentanyl chiếm tỷ lệ rất nhỏ từ 1% đến 3% của hỗn hợp.

PHÉP ĐO QUANG PHỔ KHỐI ỨNG DỤNG TRONG CÔNG VIỆC NGOÀI HIỆN TRƯỜNG

Phép đo quang phổ khối có cả ưu điểm của phương pháp quang phổ Raman và phương pháp phân tích FTIR trong việc xác định được đặc điểm đặc trưng của loại vật chất; và cả ưu điểm trong năng lực phân tích dấu vết của hệ thống quang phổ IMS. Việc sử dụng phép đo quang phổ khối từ



Một sĩ quan vận hành thiết bị đo phổ khối cầm tay với khả năng phân tích dấu vết trực tiếp tại hiện trường.

môi trường phòng thí nghiệm ra ứng dụng ngoài hiện trường bằng cách sử dụng kỹ thuật đo quang phổ khối áp suất cao. Kỹ thuật này được ứng dụng bằng các điện tử tần suất cao, các phương pháp đo hình học vi mô và các hệ thống bơm chân không hiệu suất cao dẫn đến giúp giảm đáng kể kích cỡ của thiết bị đo và điện năng tiêu thụ. Ngày nay, các hệ thống đo quang phổ khối áp suất cao có kích cỡ giảm từ 181 kg xuống chỉ còn 3,6 kg và có thể hoạt động được với các loại pin sạc điện.

Máy đo quang phổ khối nhỏ gọn được sử dụng tại các đơn vị hải quan phân tích dấu vết và xác định được các loại hoá chất cụ thể, được thiết kế dưới dạng loại thiết bị tiện dụng cầm tay. Phần mềm điều khiển thiết bị thường xuyên được cập nhật giúp nhân viên hải quan có thể xác định được các loại chất mới. Các loại thiết bị này cũng được trang bị phần mềm học máy (machine learning) để có thể xác định hơn 2.000 chất tương tự fentanyl cùng hàng trăm loại chất ma túy khác như methamphetamines, xylazine và các loại khác.

TẤT CẢ CÁC LOẠI VẬT CHẤT ĐỀU ĐỂ LẠI DẤU VẾT

Sử dụng thiết bị đo quang phổ khối cầm tay có độ chính xác cao giúp nhân viên hải quan triển khai kỹ thuật này tại bất cứ địa điểm nào. Thiết bị giúp nhanh chóng xác định các loại vật chất với kết quả đáng tin cậy để đưa ra quyết định phù hợp chỉ bằng sử dụng một que tăm bông đơn giản. Ví dụ, nhân viên hải quan Hải quan New Zealand đã chủ động phát hiện, xác định các chất ma túy được giấu trong các container làm bằng vật liệu chống nước bằng cách quét các tăm bông lên các quai của các thùng hàng – đây là vị trí dấu vết của các chất

ma túy đã để lại sau khi các đối tượng đóng hàng hoá vào các container. Sau đó đưa các tấm bông này chạy qua thiết bị đo quang phổ khối cầm tay, trong vòng vài giây, thiết bị cho ra kết quả hiển thị các chỉ số có thành phần chất methamphetamine hydrochloride. Để khẳng định lại kết quả phân tích, giám định; quá trình chạy phân tích mẫu được thực hiện lại với mẫu không nghi vấn, kết quả hiển thị các chỉ số không có thành phần các chất ma túy. Kết quả phân tích bằng sử dụng thiết bị quang phổ khối cầm tay đã giúp nhân viên hải quan xác định chính xác các kiện hàng có cất dấu các chất methamphetamine.

Đối tượng buôn lậu ma túy khi đóng gói các chất ma túy để cất giấu trong các ngăn nhỏ của xe ô tô hay cất giấu chúng trong các loại vật liệu xây dựng như bồn tắm... thì cũng sẽ vô tình để xảy ra sự tiếp xúc vật lý giữa các chất ma túy với các phương tiện chuyên chở. Chính nhờ dấu vết để lại này mà nhân viên hải quan có thể sử dụng thiết bị đo quang phổ khối áp suất cao thực hiện phân tích các dấu vết còn để lại trên hệ thống vô lăng xe ô tô hay tay nắm cửa, tay cầm của bồn tắm... Việc thu thập dấu vết này đã cung cấp đầy đủ thông tin, giúp cảnh báo đến nhân viên hải quan, giúp nhân viên hải quan nâng cao hiệu quả trong quá trình thực thi công vụ thông qua việc rà soát, tập trung vào các vị trí nghi vấn và loại bỏ các phỏng đoán không có căn cứ. Như vậy, dấu vết các loại vật chất để lại là yếu tố không kém phần quan trọng so với khả năng xác định chính xác tên gọi cụ thể của loại vật chất trong quá trình phân tích, giám định.

Một ví dụ khác, khi nhân viên hải quan nghi ngờ một lô hàng các bình chữa cháy có cất dấu các chất ma túy, bằng cách sử dụng que tăm bông quét qua tại vị trí đầu mỗi bình nơi được xác định chắc chắn có sự tiếp xúc vật lý trong quá trình cất giấu ma túy, sử dụng thiết bị đo quang phổ khối áp suất cao để phân tích mẫu, kết quả đã nhanh chóng phát hiện có chất methamphetamine. Để khẳng định dấu hiệu nghi vấn, nhân viên hải quan dùng cửa điện cắt đôi các bình chữa cháy thì phát hiện trong mỗi bình đều có chứa methamphetamine. Nhân viên hải quan cũng có thể sử dụng các cách thức khác nhau để cắt mở các bình chữa cháy hoặc sử dụng bổ sung các loại thiết bị bảo vệ cá nhân khi lấy mẫu đối với chất ma túy là fentanyl cất giấu trong các bình chữa cháy. Việc xác định các loại vật chất bằng cách sử dụng kỹ thuật đo quang phổ khối áp suất cao hay kỹ

thuật đo quang phổ Raman cũng giúp nhân viên hải quan nhanh chóng xác định nghi vấn. Trong khi thực thi công vụ, nhân viên hải quan không những phải đối mặt với thách thức trong việc xác định các loại chất hoá học khác nhau mà họ còn phải thông thạo việc áp dụng các văn bản, các quy định pháp luật trong quản lý các loại chất hoá học này. Hầu hết các loại thiết bị phân tích khi cho ra kết quả xác định các loại hoá chất đều đưa ra số đăng ký hoá chất (CAS) – là số nhận dạng duy nhất, số này đi kèm với các mã số được quy định bất kể thuật ngữ tên gọi được sử dụng cho các loại hoá chất đó là gì.

TÍNH AN TOÀN LÀ ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU

Mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong việc sử dụng các loại thiết bị, công cụ để phân tích và xác định tên gọi các loại hoá chất vượt qua khuôn khổ kiểm soát thực thi pháp luật để phát hiện các loại chất cấm là bảo vệ sức khoẻ cho nhân viên hải quan khi sử dụng các loại thiết bị này tại các cửa khẩu quốc tế. Đa số các loại thiết bị này bao gồm cả thiết bị đo quang phổ khối áp suất cao giúp nhân viên hải quan xác định chính xác, cụ thể các chất ma túy trước khi họ bắt đầu thực hiện mở các hộp hàng, kiện hàng hay container hàng hoá để kiểm tra thực tế. Nếu chất cấm là fentanyl, nhân viên hải quan cần phải thực hiện thêm các biện pháp bảo vệ cá nhân cần thiết khác để đảm bảo an toàn khi tiếp xúc, như dùng chó nghiệp vụ phát hiện ma túy để giảm thiểu và loại trừ sự tiếp xúc giữa nhân viên hải quan và các chất cấm nguy hiểm. Để xác định mức độ của dấu vết thì việc kết hợp, tích hợp các đặc tính ưu việt của những kỹ thuật đo quang phổ vào trong cùng một loại thiết bị, công cụ giúp tăng cường hiệu quả hoạt động và độ an toàn cho nhân viên hải quan nhưng vẫn đảm bảo cho ra kết quả phân tích, xác định tên gọi các loại hoá chất có độ chính xác cao.

Có thể khẳng định rằng, thiết bị phát hiện dấu vết kết hợp với việc phân tích, xác định tên gọi các loại chất hoá học sử dụng ngoài hiện trường là trợ thủ đắc lực, giúp tiết kiệm thời gian và hỗ trợ nhân viên hải quan trong quá trình thực thi công vụ ở mọi lúc, mọi nơi khi có yêu cầu./.

Nguồn bài viết "Identifying chemicals precisely through trace analysis is now reality, opening new doors for Customs officers, page 78-80, WCO News No 103 issue 3/2023"

THƯ MỜI VIẾT BÀI CHO BẢN TIN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

Bản tin Nghiên cứu Hải quan với tôn chỉ, mục đích là diễn đàn khoa học rộng rãi của ngành Hải quan nhằm thông tin, trao đổi các vấn đề, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động hải quan; nghiên cứu chiến lược phát triển ngành Hải quan; ứng dụng những thành tựu khoa học vào hoạt động nghiệp vụ hải quan, góp phần phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật Hải quan; thông tin về sự phát triển khoa học hải quan trong khu vực và thế giới.

Để Bản tin nghiên cứu Hải quan có thể phản ánh đầy đủ và có chất lượng các nội dung trên, chúng tôi rất mong các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, các cộng tác viên trong và ngoài ngành tham gia viết tin bài, cung cấp thông tin và gửi ảnh cho Bản tin nghiên cứu Hải quan về các nội dung:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn trong hoạt động công tác Hải quan.
- Nghiên cứu chiến lược phát triển ngành Hải quan.
- Nghiên cứu ứng dụng những thành tựu mới của Khoa học – Công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ ngành Hải quan.
- Nghiên cứu về pháp luật Hải quan và pháp luật khác có liên quan đến hoạt động Hải quan.
- Nghiên cứu về tham gia công ước quốc tế, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực hải quan và các lĩnh vực khác có liên quan.
- Nghiên cứu về lịch sử hải quan và các bài học kinh nghiệm về xây dựng và phát triển ngành Hải quan.
- Các lĩnh vực nghiên cứu kinh tế, tài chính khác.

Tin, bài được viết bằng tiếng Việt trên khổ giấy A4, phông chữ Unicode, kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 (tối đa 4.000 từ) gửi Bản tin nghiên cứu Hải quan phải của chính tác giả và chưa được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng (nếu đã công bố phải ghi rõ đã đăng tải ở báo nào). Bài viết xin ghi rõ tên tác giả, bút danh (nếu có), số điện thoại, số fax, địa chỉ liên lạc, email.

Tin bài viết gửi về Ban biên tập Bản tin Nghiên cứu Hải quan theo địa chỉ:

PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC, VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

Số 9, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4)39440833 * **Máy lẻ:** 8788, 8703 * **Fax:** (84-4)39440651

BẢN TIN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN





Tel: (84-24) 39440833

Máy lẻ: 8703

Email: viennchq@customs.gov.vn